BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 11/2026
Từ 23/3 - 27/3/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH: DOANH NGHIỆP LÀ TRUNG TÂM, CHỦ THỂ TRONG THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG TỪ 10% TRỞ LÊN

Sáng ngày 27/3/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Hội nghị "Doanh nghiệp góp phần vào tăng trưởng hai con số và Thủ tướng Chính phủ tri ân doanh nghiệp" được tổ chức tại trụ sở Chính phủ.

Thủ tướng Phạm Minh Chính, Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng chủ trì Hội nghị - Ảnh VGP/Nhật Bắc

Báo cáo của Bộ Tài chính cho biết, tính đến hết năm 2025, cả nước có khoảng hơn 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, tăng hơn 25% so với năm 2020. Khu vực doanh nghiệp hiện đóng góp khoảng 60% GDP, thu hút hơn 16 triệu lao động, đóng góp chủ yếu vào tổng kim ngạch xuất nhập khẩu.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước tiếp tục giữ vai trò đầu tàu trong nhiều ngành, lĩnh vực trọng yếu, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực, ổn định kinh tế vĩ mô. Khu vực kinh tế tư nhân, một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, đã có bước tiến mạnh mẽ, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp, từng bước hình thành các tập đoàn mang thương hiệu tầm cỡ khu vực và quốc tế. Khu vực doanh nghiệp FDI tiếp tục là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế khi Việt Nam đã thuộc nhóm 15 quốc gia thu hút FDI lớn nhất thế giới.

Ba khu vực doanh nghiệp này đang từng bước gắn kết, hợp thành sức mạnh chung, tạo động lực để đất nước phát triển nhanh, bền vững và vươn lên hùng cường.

Ba khu vực doanh nghiệp này đang từng bước gắn kết, hợp thành sức mạnh chung, tạo động lực để đất nước phát triển nhanh, bền vững và vươn lên hùng cường.

Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, khí thế khởi sự kinh doanh lan tỏa mạnh mẽ; từ tháng 5/2025, bình quân mỗi tháng có khoảng 18.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 38% so với bình quân 4 tháng đầu năm. Năm 2025, cả nước có gần 298.000 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Về huy động nguồn lực từ khu vực doanh nghiệp cho phát triển kinh tế-xã hội, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 33% GDP. Đến hết năm 2025, quy mô thị trường cổ phiếu đạt khoảng 86,7% GDP, thị trường trái phiếu đạt khoảng 30% GDP. Qua ba đợt khởi công, khánh thành đồng loạt trong năm 2025, cả nước đã khởi công, khánh thành 564 công trình, dự án với tổng mức đầu tư khoảng 5,2 triệu tỷ đồng, trong đó nguồn vốn tư nhân chiếm gần 75%.

Bên cạnh những kết quả rất quan trọng nêu trên, nền kinh tế và khu vực doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, khó khăn, thách thức. Thể chế, pháp luật còn một số vướng mắc, bất cập, chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời; việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện kinh doanh trong một số lĩnh vực còn chưa cải cách triệt để; các vấn đề pháp lý tồn đọng của một số doanh nghiệp, dự án đầu tư chưa được giải quyết dứt điểm…

Theo các báo cáo, ý kiến tại Hội nghị, Hội nghị Trung ương lần thứ hai của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV vừa qua đã thảo luận, quyết định nhiều vấn đề liên quan trực tiếp tới việc định hướng về thể chế, nguồn lực, giải pháp nhằm tạo môi trường, động lực nhằm đạt tăng trưởng từ 10% trở lên ngay từ năm nay. Hội nghị một lần nữa khẳng định vai trò và quyết tâm của cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên.

Các đại biểu tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, thủ tục, chi phí tuân thủ để giải phóng nguồn lực cho nền kinh tế; "làm mới" các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng); kiến tạo, phát triển các động lực tăng trưởng mới (như bán dẫn, AI, điện tử, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế tạo, kinh tế dữ liệu…); chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đổi mới mạnh mẽ cơ chế vận hành doanh nghiệp nhà nước để khu vực này thực sự đóng vai trò mở đường, dẫn dắt trong những lĩnh vực mà tư nhân chưa làm hoặc khó làm, đồng thời trao cơ chế đủ linh hoạt để thực hiện theo nguyên tắc thị trường; hình thành lớp doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn; thu hút FDI có chọn lọc, gắn chặt với chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng cấp doanh nghiệp trong nước; bảo đảm vốn cho tăng trưởng theo hướng đúng chỗ, đúng lúc, đúng đối tượng; nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia bằng các chương trình cụ thể; tổ chức thực hiện theo tinh thần 6 "rõ": Rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ kết quả - rõ thẩm quyền…

Tăng trưởng từ 10% trở lên để đạt 2 mục tiêu 100 năm

Phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao công tác chuẩn bị Hội nghị và các ý kiến sâu sắc, sát thực tế, mang tính xây dựng cao. Những ý kiến đó không chỉ phản ánh thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp mà còn thể hiện khát vọng phát triển mạnh mẽ, tinh thần trách nhiệm vì đất nước của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và các bộ, ngành, cơ quan đã có phản hồi, giải đáp.

Phân tích bối cảnh tình hình thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng có thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, trong đó khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhưng càng khó khăn, thách thức càng phải nỗ lực, trưởng thành hơn, kiên trì, kiên định các mục tiêu; để đạt 2 mục tiêu 100 năm - đây là mục tiêu không thay đổi, thì phải tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên trong nhiều năm, doanh nghiệp cũng phải tranh thủ cơ hội để trưởng thành, phát triển, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định chính sách để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp và từ đó, nhân dân ngày càng hạnh phúc, ấm no.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhắc lại, tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai vừa qua, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh "4 kiên định" về chính trị, tư tưởng: Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối Đổi Mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định "bốn nguyên tắc" cốt lõi về tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên: Tăng trưởng thực chất, chất lượng và bền vững; ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn; tận dụng mọi nguồn lực cho sự phát triển; nhân dân phải được hưởng thụ.

Bám sát các chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính khái quát các nhiệm vụ, giải pháp theo phương châm "Nhà nước kiến tạo, doanh nghiệp tiên phong, công tư đồng hành, đất nước phát triển, nhân dân hạnh phúc", các chủ thể liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao thực hiện thật tốt các công việc để đạt các mục tiêu đã đề ra.

Với vai trò kiến tạo, Nhà nước thực hiện 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp: (1) Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ được ổn định chính sách; (2) dự báo được tình hình liên quan tới doanh nghiệp, trong đó có tình hình cung cầu để doanh nghiệp có thể chủ động xoay xở; (3) xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thông thoáng, giảm thủ tục để doanh nghiệp bớt chi phí tuân thủ; (4) kiến tạo về hạ tầng chiến lược (giao thông, viễn thông, điện, y tế, giáo dục, văn hóa…) để phục vụ doanh nghiệp phát triển; (5) phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, doanh nghiệp đồng hành; (6) cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, phiền hà, sách nhiễu; (7) xây dựng hệ thống quản trị thông minh, dựa trên chuyển đổi số; (8) bảo đảm huy động nguồn lực và tiếp cận nguồn lực một cách công bằng, minh bạch, công khai, bình đẳng giữa các doanh nghiệp công và tư, ai làm tốt nhất thì giao;

(9) giao việc và hỗ trợ doanh nghiệp; (10) lắng nghe ý kiến doanh nghiệp bằng sự chân thành, chia sẻ với doanh nghiệp bằng trái tim và hành động bằng sản phẩm cụ thể; (11) gắn kết với doanh nghiệp với tinh thần doanh nghiệp phát triển là đất nước phát triển, đất nước đổi mới, phát triển thì doanh nghiệp mới phát triển được.

Mong muốn doanh nghiệp phát huy vai trò tiên phong, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ: Doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên, góp phần hiện thực hóa 2 mục tiêu chiến lược 100 năm; mọi chính sách đều phải hướng tới doanh nghiệp để doanh nghiệp phát triển và doanh nghiệp phải tham gia kiến tạo cùng Nhà nước, trong xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, xây dựng hạ tầng và quản trị quốc gia.

Doanh nghiệp tiên phong trong sự phát triển, hộ kinh doanh trở thành doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa trở thành doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp lớn trở thành các doanh nghiệp đa quốc gia, đầu tư nhiều hơn ra nước ngoài; tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, cơ cấu lại thị trường lao động, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức…; tiên phong cùng Nhà nước hoàn thiện chính sách và thể chế, nêu ra các bài toán thực tiễn để Nhà nước có lời giải, phản ứng nhanh, kịp thời, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; tiên phong trong hợp tác công tư, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài để hỗ trợ nhau, đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và chuỗi cung ứng.

Về nội dung "công tư đồng hành", Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng lĩnh vực nào, việc nào cũng có thể hợp tác công tư, đặc biệt là trong huy động nguồn lực, nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực; góp phần kết hợp sức mạnh bên trong và bên ngoài, Nhà nước và nhân dân; nếu các chủ thể liên quan đều đạt tăng trưởng từ 10% trở lên thì chúng ta sẽ đạt mục tiêu đề ra.

Cho biết vừa qua, Đảng, Nhà nước rất quan tâm tới việc vinh danh các doanh nghiệp, doanh nhân làm tốt, có nhiều đóng góp, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, thay mặt Nhân dân, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh tinh thần cầu thị, lắng nghe và thực sự tri ân cộng đồng doanh nghiệp về những đóng góp trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, đặc biệt trong 5 năm qua với rất nhiều khó khăn, thách thức.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển chung, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; đóng góp trong quá trình kiến tạo, xây dựng thể chế, cơ chế chính sách theo hướng thông thoáng, bao trùm, toàn diện.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính khẳng định, trong những lúc khó khăn, thử thách, cộng đồng doanh nghiệp luôn đồng hành cùng Đảng, Nhà nước và nhân dân, đặc biệt là trong phòng, chống đại dịch COVID-19, đóng góp cho Quỹ Vaccine (chỉ trong ngày phát động đã huy động được khoảng 8 nghìn tỷ đồng, góp phần đưa Việt Nam vào nhóm 5 nước có tỉ lệ bao phủ vaccine cao nhất thế giới và là nước duy nhất có quy mô dân số trăm triệu dân trong nhóm này). Cộng đồng doanh nghiệp cũng nỗ lực giữ được sản xuất kinh doanh trong

những khó khăn, thách thức, đứng vững, trưởng thành và tham gia tích cực vào bảo đảm an sinh xã hội, nhất là xóa nhà tạm, nhà dột nát trên toàn quốc…

Với các đề xuất, kiến nghị tại hội nghị, trong đó có các nội dung liên quan các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề tồn đọng, Thủ tướng giao Văn phòng Chính phủ tổng hợp, phân công các bộ, ngành, cơ quan cơ quan xử lý theo thẩm quyền, nếu thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ xử lý ngay với tinh thần cầu thị, lắng nghe và kiên quyết xử lý với phương châm "lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ", "đã nói là làm, đã cam kết phải thực hiện", đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

Nguồn: baochinhphu.vn

THÚC ĐẨY MẠNH MẼ, ĐỒNG BỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ, HẠ TẦNG SỐ VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chiều ngày 28/3/2026, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chủ trì Phiên họp lần thứ hai năm 2026 của Ban Chỉ đạo.

Theo Ban Chỉ đạo, thời gian qua, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, rộng khắp, lan tỏa tới hầu hết các ngành, lĩnh vực và mọi mặt đời sống.

Phát triển công nghệ chiến lược và hệ sinh thái khoa học công nghệ đã có nhiều chuyển biến tích cực: Các công nghệ chiến lược đang được đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện theo cách tiếp cận mới, không bắt đầu từ công nghệ, mà từ các "bài toán lớn" của từng ngành, lĩnh vực. (đầu năm 2026, đã tổ chức khánh thành Trung tâm Vũ trụ Việt Nam và khởi công Nhà máy chế tạo chip bán dẫn đầu tiên tại Việt Nam. Một số doanh nghiệp đã làm chủ đến 65% công nghệ lõi trong các lĩnh vực như camera AI, 5G, UAV).

Hạ tầng số được đẩy mạnh đầu tư và có bước phát triển nhanh về năng lực, công nghệ và chất lượng: đến cuối tháng 3/2026, tỷ lệ phủ sóng mạng 5G theo dân số là 91,9% với hơn 22,4 triệu thuê bao; khởi công và khánh thành nhiều trung tâm dữ liệu lớn; đầu tư hơn 4,2 nghìn bộ xử lý GPU để phục vụ trí tuệ nhân tạo; nhiều bộ, ngành, địa phương đang tích cực triển khai làm giàu dữ liệu cho các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Kinh tế số tiếp tục có bước phát triển nhanh, mạnh mẽ: trong quý I/2026, số lượng doanh nghiệp công nghệ số tăng mạnh, thêm 1.394 doanh nghiệp; xuất khẩu sản phẩm công nghệ số ước đạt hơn 45 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ; công tác quản lý thuế, hóa đơn điện tử được triển khai quyết liệt, hiệu quả; đã xử lý 2,69 tỷ hóa đơn điện tử, tăng 2,1 lần so với cùng kỳ.

Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được đẩy mạnh xây dựng: công bố 249 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và 19 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN); số đơn đăng ký sáng chế liên quan công nghệ chiến lược tăng từ 2.241 lên 2.755 đơn (tăng 23%). Triển khai Đề án

06 mang lại nhiều kết quả thực chất, cung cấp nhiều tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp (tích hợp hơn 16 triệu dữ liệu của các tổ chức chính trị - xã hội, làm sạch 61 triệu dữ liệu đất đai, hơn 146,6 triệu dữ liệu hộ tịch; Nền tảng VNeID đã cung cấp 50 tiện ích trên VneID)

Thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tiếp tục được cắt giảm, đơn giản hóa; số lượng và chất lượng dịch vụ công trực tuyến được nâng lên. Đã hoàn thành phân cấp 552/699 thủ tục hành chính (đạt 79%); 100% địa phương vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công. Đến nay đã cắt giảm, đơn giản hóa 90,3% thủ tục hành chính và 83,2% điều kiện kinh doanh. Phân cấp, phân quyền được triển khai đồng bộ trong đó đã hoàn thành 321/355 nhiệm vụ cần hoàn thiện về thể chế, đạt 90,4%. Nhân lực số phát triển về cả số lượng và chất lượng. Đến nay, đã thu hút hơn 40 triệu lượt người tham gia đào tạo trên nền tảng trực tuyến; sau 1 năm phát động phong trào "Bình dân học vụ số", đã có hơn 1,44 triệu lượt người tham gia. Hiện nay, có khoảng 7.000 kỹ sư thiết kế chip làm việc tại hơn 50 doanh nghiệp tại Việt Nam.

Vừa tháo gỡ điểm nghẽn cơ chế, chính sách, vừa nâng cao năng lực thực thi của cán bộ

Kết luận phiên họp, điểm lại các kết quả nổi bật, đánh giá cao, biểu dương các bộ, ngành, cơ quan và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế về nhận thức, triển khai, đầu tư dàn trải, thủ tục, nhân lực, giám sát, phối hợp, kết quả còn khiêm tốn và chuyển đổi chưa nhiều.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới.

Thứ nhất, Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm theo Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ; đồng thời quán triệt và tổ chức triển khai đầy đủ các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

Trong đó, thiết lập cơ chế chỉ đạo và điều phối thống nhất ở cấp Chính phủ để tổ chức triển khai Chương trình phát triển công nghệ chiến lược; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quyền hạn của các bộ, ngành trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hoàn thiện chính sách ưu đãi để thu hút các tập đoàn công nghệ lớn và phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược, nhất là bán dẫn, AI, phục vụ phát triển công nghệ chiến lược.

Thứ hai, yêu cầu đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng, trình Chính phủ, Quốc hội các dự án Luật liên quan và trình ban hành văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo hệ thống pháp luật đồng bộ, thông suốt, theo kịp thực tiễn phát triển công nghệ.

Cùng với đó, khẩn trương tổ chức triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 ngành khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030; Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số đến năm 2035; khẩn trương hoàn thiện, trình ban

hành Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch tổng thể triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030.

Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng, ban hành kiến trúc dữ liệu, bảo đảm phù hợp Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; triển khai đợt cao điểm tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan xây dựng các Đề án về phát triển hạ tầng công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, không gian kinh tế tầm thấp, công nghiệp lượng tử; giao Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hướng dẫn triển khai Mô hình hợp tác 3 Nhà, trong đó làm rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các bên liên quan.

Thứ ba, siết chặt kỷ luật kỷ cương trong thực thi công vụ, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ vận hành hiệu quả hệ thống theo dõi, giám sát KPI và công khai kết quả; làm cơ sở xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu, định kỳ hằng tháng báo cáo tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ.

Giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, đôn đốc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ trên Hệ thống theo dõi của Trung ương, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 hằng tháng.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan đề xuất thành lập các Tổ công tác chuyên trách để giải quyết từng nhóm vấn đề trọng tâm về dữ liệu, nền tảng dùng chung, hạ tầng, trang thiết bị, nguồn nhân lực và cơ chế tài chính, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Thứ tư, triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số, công dân số, cải cách thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông, phấn đấu phủ sóng 5G trên toàn quốc; khai thác hiệu quả dự án vệ tinh tầm thấp; sớm đưa vào khai thác 01 tuyến cáp quang biển; bảo đảm tiến độ xây dựng nhà máy chip bán dẫn; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư một số Trung tâm dữ liệu lớn.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng yêu cầu tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như đất đai, cán bộ công chức, an sinh xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo… thực hiện đối soát, làm sạch dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Xây dựng các hệ sinh thái dịch vụ số thông minh, hiện đại; đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng trên môi trường số, phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử gắn với thanh toán không dùng tiền mặt. Đẩy mạnh triển khai đô thị thông minh, cửa khẩu thông minh, cảng biển thông minh trên toàn quốc. Tạo mọi điều kiện để phát triển doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển thị trường công nghệ trong nước, ưu tiên

sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ chế, chính sách khuyến khích, cổ vũ sinh viên, học sinh khởi nghiệp, các doanh nghiệp số phát triển

Các bộ, cơ quan chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an rà soát, sửa đổi các quy định, cắt giảm thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu; Khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và tiếp tục cắt giảm 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Thứ năm, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ chủ quyền quốc gia, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp trên không gian mạng, nhất là phòng, chống thông tin sai lệch, xấu độc, tấn công mạng. Đẩy mạnh giải quyết các vấn đề tồn đọng, kéo dài như SIM "rác", tài khoản không chính chủ; triệt phá tận gốc các công cụ lừa đảo, tấn công mạng; kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm minh hành vi mua bán trái phép dữ liệu cá nhân.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời phát triển lực lượng lao động trình độ trung bình đáp ứng các tác vụ số phổ thông. Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp cơ sở trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy phong trào "Bình dân học vụ số".

Thủ tướng Chính phủ đặc biệt lưu ý, cần vừa tháo gỡ điểm nghẽn cơ chế, chính sách, vừa nâng cao năng lực thực thi của cán bộ các cấp, các ngành, các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển; xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy như giao việc, hỗ trợ doanh nghiệp. Trong quá trình tổ chức thực hiện, việc tháo gỡ về thể chế phải kịp thời, đúng lúc, hiệu quả; thực thi phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, làm việc nào ra việc đó, làm việc nào dứt việc đó; giải quyết bài toán tổng thể bằng các nhiệm vụ cụ thể, quy hoạch phải tổng thể, nhìn xa trông rộng, nghĩ sâu làm lớn, còn các nhiệm vụ cụ thể phải có thứ tự ưu tiên, bố trí nguồn lực để làm trong từng giai đoạn, tránh dàn trải, manh mún, chia cắt, phân công 6 rõ.

Yêu cầu quán triệt sâu sắc, thực hiện thật nghiêm túc, nhất quán các chỉ đạo của Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu "chọn đúng việc, giao đúng người, giám sát thường xuyên, đo lường chính xác, tháo gỡ kịp thời, chuyển biến tích cực, hiệu quả thực chất", Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tin tưởng, với quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, cùng những kết quả tích cực đã đạt được, việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 sẽ tiếp tục đạt kết quả tốt hơn, có bước đột phá, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong thời

gian tới, thực hiện thành công 2 mục tiêu 100 năm, đưa đất nước phát triển giàu mạnh, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nguồn: nhandan.vn

TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA "ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH"

Ngày 22/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 462/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh" (gọi tắt là Kế hoạch).

Mục đích của Kế hoạch nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi, khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Đồng thời, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển quốc gia, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị và trong Nhân dân, tự lực tự cường, khai thác tối đa năng lực nội sinh, với quan điểm: Người dân là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của phát triển, trong đó chất lượng môi trường sống được coi là thước đo quan trọng phản ánh hiệu quả và tính bền vững của tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Thông qua phong trào thi đua, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Nội dung phong trào thi đua

Để góp phần hoàn thành, vượt và về đích sớm các mục tiêu cơ bản tại các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (bộ, ngành, địa phương), tổ chức, doanh nghiệp tổ chức các phong trào thi đua với chủ đề, nội dung phù hợp, tập trung thi đua thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

- Thi đua tạo đột phá trong tư duy, nhận thức và hành động: xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi "xanh - số" là động lực then chốt của tăng trưởng, là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực tự chủ quốc gia và bảo đảm quốc phòng an ninh;

- Thi đua phát triển hạ tầng số, hạ tầng xanh hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả;

- Thi đua đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong mọi hoạt động và trong hợp tác quốc tế;

- Thi đua phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số, chính quyền số, công dân số gắn với phong trào "Bình dân học vụ số" và các nền tảng số với mục tiêu "3 an": an ninh, an toàn và an dân;

- Thi đua chuyển đổi xanh, chống biến đổi khí hậu trong phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Tiêu chí thi đua

Đối với các bộ, ngành, địa phương

- Hoàn thành có chất lượng, đạt, vượt và về đích sớm các mục tiêu cơ bản, thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Nghị quyết của Trung ương, của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

- Phát triển đồng bộ công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ theo chuỗi giá trị; nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và chuỗi cung ứng trong những lĩnh vực trọng yếu; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, phat triển kếu cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh.

- Kịp thời ban hành hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công… để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao; cải cách phương thức quản lý, cơ chế quản lý tài chính, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính.

- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả việc chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh trong hoạt động của bộ, ngành, địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

- Tổ chức được các hoạt động cụ thể, thiết thực, hiệu quả, huy động sự tham gia phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, cơ quan liên quan trong việc phổ biến, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng và có nhiều hoạt động thiết thực thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

- Có sáng kiến, giải pháp triển khai sâu rộng phong trào học tập số, bình dân học vụ số, góp phần phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, từng bước tạo lập môi trường và hình thành văn hóa, lối sống xanh trong mỗi đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Đối với các doanh nghiệp

- Xây dựng tầm nhìn, chiến lược lâu dài, bền vững, có cấu trúc kinh doanh chủ động, linh hoạt; văn hóa đổi mới mạnh mẽ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

- Chuyển từ ứng dụng và làm chủ công nghệ sang xây dựng năng lực sáng tạo đột phá. Đầu tư nghiên cứu các giải pháp mới thông minh, công nghệ quản lý; ứng dụng công nghệ số và tự động hóa, tích hợp các công nghệ vào các sản phẩm và dịch vụ, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Cải cách mô hình quản lý, mở rộng năng lực áp dụng các công nghệ mới, số hoá và phát triển các sản phẩm, dịch vụ có tính đột phá để tạo ra sự khác biệt và cạnh tranh trên thị trường.

- Chủ động tham gia bảo vệ môi trường, tối ưu hóa khả năng sản xuất, kinh doanh thông qua tiết kiệm nguyên - nhiên vật liệu, sử dụng nguyên vật liệu tái tạo, giảm khí nhà kính, vận hành kinh tế tuần hoà, áp dụng tiêu chuẩn quản lý môi trường và tối ưu hóa vận chuyển để giảm phát thải…

Đối với cá nhân

- Cán bộ, công chức, viên chức nỗ lực, có sáng kiến, giải pháp sáng tạo trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện cơ chế, chính sách, quy định, thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, góp phần thực hiện hiệu quả Phong trào thi đua.

- Đối tượng khác: Có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất, sáng kiến vào quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng gồm: Khen thưởng hàng năm; khen thưởng sơ kết và khen thưởng tổng kết. Trong đó:

***Khen thưởng hàng năm**:* Căn cứ kết quả thực hiện Phong trào thi đua của các tập thể, cá nhân, các bô, ban, ngành, địa phương thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Khen thưởng sơ kết và khen thưởng tổng kết:

Khen thưởng sơ kết gồm có: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh; Giấy khen.

Khen thưởng tổng kết gồm có: Huân chương Lao động; Cờ Thi đua của Chính phủ; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ Thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh; Bằng khen bộ, ban, ngành, tỉnh; Giấy khen.

Nguồn: baochinhphu.vn

BẢO ĐẢM CƠ CẤU HỢP LÝ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Ngày 24/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 470/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035" (gọi tắt là Đề án).

Mục tiêu của Đề án nhằm tiếp tục nâng cao tỷ lệ, số lượng, chất lượng, bảo đảm cơ cấu hợp lý đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc, các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ phẩm chất, uy tín, năng lực, trình độ, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước nói chung và tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng.

Đồng thời, gắn mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số với mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thông qua phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ tại cơ sở.

Mục tiêu cụ thể về tỷ lệ, cơ cấu, chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số

Về tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số, Đề án đặt ra lộ trình phấn đấu giai đoạn từ 2026 - 2030 đạt 80% và từ giai đoạn 2030 - 2035 đạt 100% các tỷ lệ cụ thể sau đây:

Ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Tối thiểu là 3% đến 5% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của tỉnh. Tối thiểu là 5% đến 10% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của tỉnh.

Tối thiểu là 10% đến 15% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của tỉnh. Tối thiểu là 15% đến 20% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của tỉnh. Tối thiểu là 20% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của tỉnh.

Ở xã, phường, đặc khu: Tối thiểu là 5% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của xã. Tối thiểu là 5% đến 15% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã.

Tối thiểu là 15% đến 25% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã. Tối thiểu là 25% đến 35% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50%

đến dưới 70% tổng dân số của xã. Tối thiểu là 35% đến 50% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã.

Ở cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc:

Bộ Dân tộc và Tôn giáo tối thiểu là 20% đến 25% trên tổng số biên chế được giao.

Các Vụ, ban hoặc tổ chức, đơn vị tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc tối thiểu là 25% tổng số biên chế được giao.

Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo: Tối thiểu là 20% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 20% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của tỉnh.

Tối thiểu là 25% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 25% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của tỉnh.

Tối thiểu là 30% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 30% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của tỉnh.

Tối thiểu là 35% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 35% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của tỉnh.

Tối thiểu là 40% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 40% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của tỉnh.

Trường hợp không có Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo thì cấp có thẩm quyền ở địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quyết định tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc.

Ban và Phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã ưu tiên bố trí cán bộ người dân tộc thiểu số thực hiện nhiệm vụ về công tác dân tộc.

Phấn đấu tối thiểu có 20% cán bộ nữ người dân tộc thiểu số trong tổng số tỷ lệ tối thiểu cán bộ người dân tộc thiểu số

Về mục tiêu cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số, thực hiện theo lộ trình phấn đấu từ năm 2026 đến năm 2030 đạt 80% và từ năm 2030 đến năm 2035 đạt 100% các mục tiêu cụ thể sau đây:

Bảo đảm cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số tương ứng với tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong tổng dân số của tỉnh; phù hợp với cơ cấu của các thành phần dân tộc thiểu số ở địa phương.

Bảo đảm cơ cấu hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp. Trong đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo tối thiểu là 20% đến 25% trên tổng số chức danh lãnh đạo, quản lý. Vụ, ban hoặc tổ chức, đơn vị tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo phải có ít nhất 01 vị trí giữ chức danh cấp trưởng hoặc cấp phó hoặc 01 vị trí được quy hoạch giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số.

Ở địa phương, tối thiểu là 10% ở cấp tỉnh, trên tổng số cán bộ người dân tộc thiểu số của tỉnh. Tối thiểu là 20% ở cấp xã trên tổng số cán bộ người dân tộc thiểu số của xã. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương có từ 30% cán bộ người dân tộc thiểu số trở lên phải bảo đảm có viên chức quản lý người dân tộc thiểu số.

Bảo đảm cơ cấu cán bộ nữ người dân tộc thiểu số tối thiểu là 20% trong tổng số tỷ lệ tối thiểu cán bộ người dân tộc thiểu số.

Về chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số, phấn đấu từ năm 2026 đến năm 2030 đạt 80% và từ năm 2030 đến năm 2035 đạt 100% số cán bộ người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kỹ năng số và phương thức quản lý hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm theo quy định.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Đề án đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện, bao gồm: hoàn thiện thể chế, cơ chế; tạo nguồn, tuyển dụng, sử dụng và bảo đảm cơ cấu; bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ, cán bộ; lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và theo dõi, đánh giá thực hiện…

Nguồn: baochinhphu.vn

TỪ NGÀY 01/4/2026, BẮT ĐẦU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

Sáng ngày 25/3/2026, tại Hà Nội, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tuyến toàn quốc, kết nối từ điểm cầu trụ sở Bộ Nội vụ đến các điểm cầu tại địa phương và 31 điểm cầu tại các Bộ, ngành và cơ quan Trung ương.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Mạnh Khương nhấn mạnh, điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 là cuộc điều tra thống kê quan trọng trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, được thực hiện trên phạm vi cả nước, nhằm thu thập đầy đủ, chính xác thông tin về số lượng cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, số lượng và trình độ của lực lượng lao động đang làm việc, cũng như kết quả thu, chi của các cơ sở này. Kết quả điều tra sẽ là cơ sở quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng điều hành dựa trên bằng chứng.

Thời gian thu thập thông tin được thực hiện từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 15/5/2026. Dữ liệu sơ bộ dự kiến công bố vào tháng 6/2026, trong khi kết quả chính thức sẽ được công bố vào tháng 12/2026.

Trong bối cảnh đó, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Mạnh Khương yêu cầu các bộ, ngành, địa phương và toàn bộ lực lượng tham gia điều tra phải nắm chắc nghiệp vụ, bám sát kế hoạch, phối hợp chặt chẽ và thực hiện đúng các mốc thời gian đã đề ra, bảo đảm chất lượng và tiến độ chung của cuộc điều tra.

Quán triệt nội dung Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 và kế hoạch tổ chức thực hiện, bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính (Bộ Nội vụ) cho biết, việc tổ chức điều tra vào thời điểm hệ thống chính trị đang tiếp tục thực hiện các yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, tăng cường phân cấp, phân quyền và hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khiến cuộc điều tra không chỉ mang giá trị thống kê, mà còn mang giá trị chính sách rõ nét.

Theo bà Nguyễn Thị Bích Thủy, điểm mới so với điều tra cơ sở hành chính sự nghiệp năm 2021 đó là việc bổ sung thông tin thu thập về kinh tế số, kinh tế xanh, thương mại điện tử. Đồng thời lồng ghép vào điều tra thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc đơn vị, cũng như việc bổ sung thu thập thông tin đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Cuộc điều tra được thực hiện trên phạm vi cả nước đối với toàn bộ các đơn vị điều tra thuộc các ngành kinh tế, trừ một số ngành loại trừ theo quy định và không bao gồm cơ sở thuộc lĩnh vực ngoại giao của nước ngoài, các tổ chức và cơ quan quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng điều tra bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ sở trực thuộc; cùng với các cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập, không bao gồm các đối tượng: các cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao (đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước ngoài); các tổ chức và cơ quan quốc tế đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Đây là phạm vi rất rộng, phản ánh tính chất điều tra toàn bộ và cho phép hình thành bức tranh đủ đầy hơn về khu vực hành chính, sự nghiệp trên phạm vi quốc gia.

Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 do Bộ Nội vụ chủ trì là một cuộc điều tra có ý nghĩa chiến lược đối với ngành Nội vụ và hệ thống quản trị nhà nước nói chung. Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 được triển khai trên nền tảng Luật Thống kê, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đã ban hành hệ thống văn bản chuyên ngành gồm quyết định tổ chức điều tra, phương án điều tra, kế hoạch triển khai, các văn bản hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo, rà soát danh sách đơn vị điều tra, tuyển chọn giám sát viên, quản trị hệ thống và văn bản đôn đốc thực hiện. Việc cuộc điều tra được đặt trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia cho thấy đây không phải một hoạt động nội bộ đơn lẻ, mà là một bộ phận của kiến trúc dữ

liệu thống kê quốc gia, có liên hệ trực tiếp với việc biên soạn chỉ tiêu thống kê chính thức và tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở nhiều cấp độ.

Nguồn: moha.gov.vn

"CHIẾN DỊCH 20 NGÀY ĐÊM": PHẤN ĐẤU GIẢI QUYẾT TRIỆT ĐỂ NỢ ĐỌNG VĂN BẢN

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh mới đây đã ký Công văn số 1666/BTP-CTXDVBQPPL về việc triển khai thực hiện "Chiến dịch 20 ngày đêm" theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 125/TB-VPCP để thực hiện "Chiến dịch 20 ngày đêm" phấn đấu giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết đã có hiệu lực thi hành trước ngày 01/4/2026.

Theo Công văn, ngày 14/3/2026, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 125/TB-VPCP về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về xây dựng Đề án thí điểm đánh giá, chấm điểm (KPI) công tác xây dựng pháp luật và rà soát, kiểm điểm việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Trong đó, Thường trực Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ưu tiên thời gian, tập trung nguồn lực cao nhất, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ xây dựng dự án, dự thảo văn bản; phát động "Chiến dịch 20 ngày đêm" (từ ngày 12/3/2026 đến ngày 31/3/2026) phấn đấu giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết đã có hiệu lực thi hành trước ngày 01/4/2026.

Để triển khai hiệu quả Kết luận của Thường trực Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh yêu cầu các Thứ trưởng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ.

Cụ thể, Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương tổ chức quán triệt nội dung Thông báo số 125/TB-VPCP tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức có liên quan; xác định công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật là nhiệm vụ trong tâm, ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay; trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện "Chiến dịch 20 ngày đêm" của đơn vị mình.

Thủ trưởng các đơn vị được giao chủ trì thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần chỉ đạo, quán triệt thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp như ưu tiên tối đa thời gian, nguồn lực cho công tác thẩm định, nhất là thẩm định các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết đã có hiệu lực.

Trong đó, bám sát các tiêu chí thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ hồ sơ, nội dung, chất lượng dự thảo văn bản, Tờ trình cần bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng, thể hiện đầy đủ các nội

dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; phân cấp, phân quyền; cắt giảm thủ tục hành chính và lý do theo đúng chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 125/TB-VPCP.

Lưu ý xác định việc rà soát quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp là nội dung bắt buộc trong thẩm định; trường hợp phát hiện nguy cơ phát sinh khoảng trống pháp lý do chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, phải nêu rõ trong báo cáo thẩm định và đề xuất cụ thể phương án xử lý.

Đồng thời, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo, tham gia ngay từ đầu của quá trình xây dựng chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp cần thiết, theo đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, kịp thời đề xuất Lãnh đạo Bộ cử cán bộ có chuyên môn phù hợp tham gia hỗ trợ các cơ quan này trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết, sớm hoàn thành có hiệu quả Chiến dịch theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Chính phủ.

Tăng cường huy động sự tham gia của các cơ quan, đơn vị, chuyên gia, nhà khoa học có liên quan, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham gia vào hoạt động thẩm định. Theo dõi, bám sát việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, dự thảo văn bản sau thẩm định để kịp thời tham mưu báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh yêu cầu Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chủ động theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng văn bản quy định chi tiết, nhất là đối với các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết đã có hiệu lực định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định;

Khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Đề án thí điểm thực hiện việc đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý để vận hành công cụ quản lý, theo dõi, tổng hợp, đôn đốc công tác xây dựng pháp luật, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Bộ.

Nguồn: vneconomy.vn

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO ĐỊA PHƯƠNG

Bộ Tư pháp vừa có công văn gửi các bộ, cơ quan ngang bộ về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ nhằm tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền việc thực hiện thủ tục hành chính cho chính quyền địa phương.

Công văn nêu rõ, ngày 11/3/2026, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 1409/BTP-KSTT đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2026 theo đúng mục tiêu, yêu cầu, chỉ đạo tại các Nghị quyết, Kết luận, Thông báo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Tổng Bí

thư Tô Lâm, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối với vấn đề phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, theo kết quả tổng hợp số liệu tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, theo cấp hành chính, đến ngày 20/3/2026, số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, cơ quan ngang bộ chiếm tỷ lệ 44,7% trên tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền theo chỉ đạo tại Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền việc thực hiện thủ tục hành chính cho chính quyền địa phương.

Trong đó, xác định cụ thể: Số, tên thủ tục hành chính đề nghị phân cấp; Số, tên thủ tục hành chính dự kiến sẽ phân cấp cho chính quyền địa phương nhưng cần có lộ trình (nêu lý do, lộ trình cụ thể); Số, tên thủ tục hành chính tiếp tục thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ (nêu rõ lý do không thể thực hiện phân cấp); Số thủ tục hành chính đề xuất bãi bỏ.

Đồng thời, tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ gửi về Bộ Tư pháp chậm nhất trước ngày 26/3/2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐÁNH GIÁ KỸ VỀ VIỆC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Chiều ngày 23/3/2026, Hội đồng thẩm định Hồ sơ chính sách Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) nhóm họp dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh, Chủ tịch Hội đồng.

Theo Trung tướng Phạm Công Nguyên, Cục trưởng Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp, Bộ Công an, hồ sơ chính sách Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) lần này tập trung đề xuất 7 chính sách, trong đó hoàn thiện quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; miễn trách nhiệm về hành vi vi phạm hành chính để phù hợp với thực tiễn...

Bên cạnh đó, tập trung quy định nhằm đơn giản hóa trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; ứng dụng khoa học, công nghệ trong quy trình xử phạt vi phạm hành chính... Tập trung hoàn thiện khung pháp lý về các biện pháp xử lý hành chính nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khắc phục được toàn bộ những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn đặt ra. Trong đó, mục tiêu là quản lý tốt hơn các đối tượng bị áp dụng biện pháp

giáo dục tại xã, phường, đặc khu...; đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; quản lý chặt chẽ người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục...

Góp ý nhằm bảo đảm tính khả thi, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hồ sơ Tờ trình dự án luật này, đại diện Bộ Tài chính cơ bản nhất trí với một số định hướng chính sách, trong đó đồng thuận với việc quy định theo hướng khung tại chính sách về các quy định chung nhưng phải làm rõ các nội dung cần giao Chính phủ quy định chi tiết.

Đối với chính sách về đơn giản hóa trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; ứng dụng khoa học, công nghệ trong quy trình xử phạt vi phạm hành chính, Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu kỹ quy định về áp dụng luật chuyên ngành để tránh xung đột, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực.

Về xử phạt trên môi trường điện tử, Bộ Tài chính nhất trí về chủ trương nhưng lưu ý cần đánh giá kỹ tính khả thi, có lộ trình và quy định chuyển tiếp phù hợp. Một số chính sách khác như thi hành quyết định xử phạt, cưỡng chế, biện pháp ngăn chặn và cơ chế tài chính cũng được đề nghị rà soát, làm rõ nội dung, tránh trùng lặp với pháp luật hiện hành, nhất là Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Giá.

Theo đại diện Tòa án nhân dân tối cao, không nên chuyển thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính từ Tòa án sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vì đây là các biện pháp hạn chế quyền con người nên cần được xem xét, quyết định bởi cơ quan tư pháp độc lập.

Việc đề xuất chuyển thẩm quyền không chỉ chưa phù hợp với Hiến pháp và các chủ trương tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, mà còn thiếu cơ sở thực tiễn, chưa đánh giá đầy đủ tác động, đồng thời có nguy cơ phát sinh chồng chéo, vướng mắc trong cơ chế khiếu nại, khiếu kiện.

Cùng quan điểm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị giữ thẩm quyền của Tòa án đối với các biện pháp xử lý hành chính, nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm cơ chế kiểm soát khách quan, độc lập nhằm bảo vệ quyền con người.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục quy định mức phạt tiền tối đa trong Luật, không giao Chính phủ quy định và không kéo dài thời hiệu xử phạt nhằm bảo đảm tính kịp thời, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước…

Nhấn mạnh yêu cầu xuyên suốt trong sửa đổi Luật là bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đây là nguyên lý cốt lõi của Nhà nước pháp quyền, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh cho rằng, việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thực chất là sự hạn chế quyền tự do cá nhân, do đó phải được xem xét, quyết định bởi cơ quan tư pháp độc lập, thông qua quy trình tranh tụng chặt chẽ, nhằm bảo đảm khách quan và kiểm soát quyền lực.

Vì vậy, Thứ trưởng Tư pháp Đặng Hoàng Oanh đề nghị cân nhắc rất kỹ các chính sách có tác động trực tiếp đến quyền con người, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, nhất là Điều 14, cũng như các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Đối với đề xuất chuyển thẩm quyền áp dụng một số biện pháp xử lý hành chính từ Tòa án sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh cho rằng chưa có cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc, chưa phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, đồng thời ảnh hưởng đến tính thống nhất của hệ thống pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người.

Thay vì chuyển thẩm quyền, cần nghiên cứu các giải pháp cải cách thủ tục theo hướng rút gọn, thiết lập cơ chế xét xử nhanh, tăng cường ứng dụng công nghệ, bảo đảm xử lý kịp thời nhưng vẫn giữ nguyên nguyên tắc tư pháp hóa.

Bên cạnh đó, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh cũng đề nghị không mở rộng việc ủy quyền cho Chính phủ quy định các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền con người như mức phạt tiền tối đa, thời hiệu xử phạt; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm nguyên tắc phân công, kiểm soát quyền lực, giữ vai trò trung lập trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, tránh tình trạng vừa thực thi vừa tự kiểm tra.

Nguồn: nhandan.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ THỰC THI CÔNG VỤ

Ngày 23/3/2026, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Duy Ngọc ký ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU, của Ban Thường vụ Thành ủy về nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm của cán bộ, nhất là người đứng đầu trong giai đoạn phát triển mới của Thủ đô Hà Nội.

Kiên quyết khắc phục tư tưởng né tránh, sợ sai, đùn đẩy trách nhiệm

Chỉ thị nêu rõ, Đảng bộ thành phố xác định với vị thế, vai trò, trách nhiệm của Thủ đô, Hà Nội phải luôn đi trước, gương mẫu, xứng đáng với niềm tin yêu và kỳ vọng của cả nước, cần phải đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo; chủ động thí điểm các mô hình mới và dám chịu trách nhiệm; kiên quyết khắc phục tư tưởng né tránh, sợ sai, đùn đẩy trách nhiệm; xây dựng Đảng bộ Thủ đô thật sự là hình mẫu của Đảng cầm quyền hiện đại, liêm chính, hành động và kiến tạo phát triển.

Do vậy, yêu cầu cấp thiết là tạo bước chuyển toàn diện về tư duy, nhận thức, kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm của cán bộ, nhất là người đứng đầu trong toàn hệ thống chính trị; thiết lập nền tảng quản trị hiện đại, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, lấy điều hành bằng dữ liệu làm phương thức chủ đạo, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở tập trung nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy; hình thành "tầm nhìn mới, tư duy mới, hành động mới".

Theo đó, các cấp ủy, tổ chức Đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức. Đồng thời, cần nắm vững chức năng, thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm; hiểu rõ yêu cầu, những điểm mới, khâu đột phá về ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của thành phố.

Đặc biệt, phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong giai đoạn phát triển mới của Thủ đô. Thống nhất hình thành "tầm nhìn mới, tư duy mới, hành động mới", chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại; từ chú trọng quy trình sang chú trọng kết quả; từ điều hành theo kinh nghiệm sang điều hành dựa trên dữ liệu và chuyển đổi số toàn diện.

Về phân cấp, ủy quyền, trao quyền, giao nhiệm vụ, bố trí nguồn lực gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm thực thi, thành phố thực hiện chủ trương phân cấp, ủy quyền, trao quyền, giao nhiệm vụ và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, nhất là người đứng đầu, chủ động, sáng tạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền.

Việc phân cấp, ủy quyền, trao quyền phải gắn với bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các nguồn lực, điều kiện thực thi; bố trí nhân lực theo vị trí việc làm, bảo đảm đúng người, đúng việc, đủ năng lực và rõ trách nhiệm; bố trí vật lực, gồm cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, kinh phí, trang thiết bị và phương tiện cần thiết; hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá; phân cấp, ủy quyền cụ thể...

Xây dựng mô hình quản trị hiện đại

Trong Chỉ thị số 09-CT/TU, Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, điều hành; xây dựng mô hình quản trị hiện đại của Thủ đô.

Cụ thể là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành theo hướng toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm theo nguyên tắc "6 rõ, 1 xuyên suốt": Rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm; mỗi nhiệm vụ chỉ có một đầu mối chủ trì, một cá nhân chịu trách nhiệm chính đến cùng; bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ thành phố đến cơ sở...

Thành phố hoàn thiện mô hình lãnh đạo và quản trị hiện đại của Thủ đô theo định hướng "Đảng bộ số - chính quyền kiến tạo - doanh nghiệp tiên phong - xã hội đồng thuận". Đồng thời, quán triệt nguyên tắc thể chế, quy hoạch đi trước một bước, bảo đảm đồng bộ giữa định hướng phát triển và tổ chức thực hiện; phấn đấu "3 Thông": Thể chế thông thoáng, quản trị thông minh, tư tưởng thông suốt, với "3 Quy": Quy hoạch, quy chế, quy chuẩn - tiêu chuẩn đồng bộ, bảo đảm mọi hoạt động được vận hành trong khuôn khổ rõ ràng, minh bạch, thống nhất, tạo nền tảng cho phát triển bền vững...

Thành phố cũng yêu cầu đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Cụ thể là xây dựng hệ thống dữ liệu "Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong toàn hệ thống chính trị thành phố; chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị dựa trên mục tiêu và kết quả, thống nhất 100% nhiệm vụ được cập nhật, theo dõi trên hệ thống quản lý điện tử (trừ các nhiệm vụ thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định); từng bước áp dụng quản trị mục tiêu và kết quả (OKR), chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) và bảng điều hành điện tử (Dashboard) trong quản trị công vụ, chuyển từ "phát hiện - xử lý" sang "phòng ngừa - cảnh báo sớm", nâng cao hiệu quả công vụ...

Đáng chú ý, Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu nâng cao trách nhiệm nêu gương, bản lĩnh và năng lực thực thi của cán bộ, nhất là người đứng đầu. Mỗi cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu, phải gương mẫu, đi đầu về bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và ý thức phục vụ nhân dân; kiên quyết khắc phục tình trạng "trên nóng, dưới lạnh", "nói nhiều - làm ít". Thực hiện nghiêm 3 nguyên tắc trong thực thi công vụ: "Thượng tôn pháp luật, luôn luôn lắng nghe, thái độ phục vụ" và đề cao 6 phấn đấu trong đội ngũ cán bộ: "Nhận thức đầy đủ; tầm nhìn dài hạn; tư duy sáng tạo; giải pháp thông minh; hành động quyết liệt; kết quả thực chất"; coi đây là hệ tiêu chuẩn hành vi và năng lực thực thi trong giai đoạn phát triển mới của Thủ đô.

Đặc biệt, thành phố yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ trong toàn hệ thống chính trị thành phố, coi đây là yêu cầu bắt buộc và chuẩn mực hành động của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Thành phố sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, nhất là kiểm tra đột xuất việc chấp hành nội quy, quy chế, quy trình giải quyết công việc, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu...

Bên cạnh đó, thành phố đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá, xếp loại cán bộ theo hướng thực chất, liên tục, đa chiều, định lượng và dựa trên dữ liệu; đánh giá theo sản phẩm, tiến độ và hiệu quả cụ thể, bảo đảm phản ánh đúng kết quả thực hiện nhiệm vụ, năng lực tổ chức thực thi và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu; chấm dứt tình trạng đánh giá hình thức, nể nang, cào bằng...

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: ĐƯA NỘI DUNG BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND về triển khai Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân trên địa bàn thành phố. Kế hoạch này thay thế kế hoạch cùng tên số 5323/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

The đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và nghị định trên bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan. Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò chủ trì của Công an thành phố về việc phối hợp giữa các đơn vị, địa phương. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức phải chủ động trong triển khai thực hiện; phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao Công an thành phố chủ trì trong việc tổ chức tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ Bảo vệ dữ liệu cá nhân; lồng ghép các nội dung Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các chương trình cải cách hành chính và chuyển đổi số; phối hợp biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Ngoài ra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh còn được giao thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực Bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền quản

lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và nghị định (nêu trên).

Công an thành phố cũng sẽ chủ trì phối hợp xây dựng nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và Bảo vệ dữ liệu cá nhân, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Thời gian thực hiện theo tiến độ Luật An ninh mạng 2025 và yêu cầu của Bộ Công an. Phối hợp xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình quốc gia về Bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổ chức kiểm tra việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và nghị định trên.

Theo kế hoạch, kinh phí bảo đảm thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2026, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đơn vị tổ chức chủ động bố trí nguồn ngân sách được giao trong năm 2026 để triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức liên quan để thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện theo nhiệm vụ có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

Nguồn: daibieunhandan.vn

TUYÊN QUANG: CHUYỂN ĐỔI SỐ THÚC ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo, làm mục tiêu và động lực xuyên suốt, tỉnh Tuyên Quang đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cải cách hành chính gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền phục vụ.

Tỉnh Tuyên Quang hiện có 125 Trung tâm Phục vụ hành chính công với 135 điểm tiếp nhận. Trong đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bố trí 2 điểm tiếp nhận; 124 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bố trí 133 điểm tiếp nhận, (có 9 Trung tâm cấp xã tổ chức 2 điểm tiếp nhận). Hệ thống Trung tâm được tổ chức khoa học, vận hành ổn định; đội ngũ cán bộ, công chức được bố trí tinh gọn, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Đặc biệt, việc huy động sự tham gia của đoàn viên thanh niên và các Tổ công nghệ số cộng đồng đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công ngay từ cơ sở.

Cùng với kiện toàn tổ chức bộ máy, tỉnh Tuyên Quang đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Nhiều thủ tục được rút ngắn thời gian giải quyết, giảm thành phần hồ sơ, tăng cường khai thác dữ liệu số nhằm hạn chế giấy tờ trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân và doanh nghiệp. Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính có hiệu lực áp dụng trên địa bàn tỉnh là 2.172 thủ tục hành chính, trong đó 1.833 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 339 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Đáng chú ý, có tới 2.141 thủ tục hành chính được triển khai giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; 1.947 thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế "một cửa"; 833 thủ tục hành chính được xây dựng quy trình liên thông, góp phần bảo đảm giải quyết công việc thông suốt, hiệu quả.

Chuyển đổi số tiếp tục đóng vai trò "đòn bẩy" trong cải cách hành chính, với hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho xây dựng chính quyền số. Việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và giao dịch số không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân trong giai đoạn phát triển mới.

Tại các vùng sâu, vùng xa nơi điều kiện tiếp cận công nghệ còn nhiều hạn chế; các Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy vai trò xung kích với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân kỹ năng số". Đoàn viên thanh niên và cán bộ cơ sở trực tiếp "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số làm quen với định danh điện tử, ví điện tử và Cổng dịch vụ công.

Theo ông Phạm Thanh Hòa, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, kiêm Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, từ ngày 01/7 đến 31/12/2025, tỉnh Tuyên Quang đã tiếp nhận trên 88.500 hồ sơ thủ tục hành chính. Tỷ lệ giải quyết trước hạn đạt 95,79% ở cấp tỉnh và 99,07% ở cấp xã; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 95,3%, trong đó có hơn 1.000 dịch vụ công toàn trình. Công tác số hóa hồ sơ đạt 87,67%, góp phần hình thành kho dữ liệu số dùng chung, giúp người dân và doanh nghiệp không phải nộp lại những giấy tờ đã có trong hệ thống.

Riêng trong tháng 01/2026, tỉnh Tuyên Quang tiếp nhận và giải quyết hơn 120.000 hồ sơ, trên 67% hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 99%. Những kết quả này cho thấy hệ thống giải quyết thủ tục hành chính vận hành ổn định, thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt, việc giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đã tạo thuận lợi rõ rệt cho người dân, góp phần thay đổi căn bản phương thức phục vụ của bộ máy hành chính nhà nước. Song song với đầu tư hạ tầng và công nghệ, tỉnh chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua đào tạo, tập huấn kỹ năng số, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính được triển khai thường xuyên theo hướng công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thời gian tới, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tinh thần các nghị quyết của Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính gắn với khai thác hiệu quả dữ liệu số. Với quyết

tâm chính trị cao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, tỉnh đang từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, thực sự là chính quyền phục vụ trong kỷ nguyên số.

Nguồn: vov.vn

LÀO CAI: BAN HÀNH KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN NĂM 2026

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai vừa ban hành Kế hoạch số 131/KH-UBND về nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân năm 2026, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 26-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 63-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Kế hoạch đặt mục tiêu triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, hướng tới phát triển tỉnh theo định hướng "xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc", lấy con người làm trung tâm.

Năm 2026, Lào Cai phấn đấu chỉ số hạnh phúc đạt 69%, trong đó: chỉ số hài lòng về cuộc sống đạt khoảng 58,9%; chỉ số hài lòng về tuổi thọ trung bình đạt khoảng 80,25%; chỉ số đánh giá môi trường sống đạt 68,5%.

Để đạt mục tiêu trên, tỉnh tập trung triển khai ba nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Trước hết là nâng cao sự hài lòng của người dân về điều kiện sống, thông qua phát triển kinh tế bền vững, cơ cấu lại nông nghiệp, thúc đẩy công nghiệp, thương mại, dịch vụ; phấn đấu tăng trưởng GRDP trên 10%, thu nhập bình quân đầu người đạt 51 triệu đồng. Đồng thời, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; phát triển nhà ở xã hội với mục tiêu xây mới 1.200 căn trong năm 2026.

Cùng với đó, tỉnh chú trọng nâng cao chất lượng đời sống xã hội và tinh thần của người dân thông qua phát triển giáo dục, y tế, an sinh xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dịch vụ công, phấn đấu trên 80% người dân và doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Các chính sách giảm nghèo bền vững tiếp tục được triển khai, với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5% trở lên.

Trong lĩnh vực y tế, tỉnh đặt mục tiêu trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; phát triển y tế cơ sở, hướng tới tỷ lệ hài lòng của người bệnh đạt trên 91%. Tuổi thọ trung bình của người dân phấn đấu đạt 72,4 tuổi, số năm sống khỏe mạnh đạt 65,5 năm.

Bên cạnh đó, tỉnh Lào Cai đẩy mạnh các giải pháp bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, xây dựng môi trường sống xanh, an toàn; phấn đấu tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 86%, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 61,3%. Công tác cấp nước sạch, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai tiếp tục được quan tâm.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc phát triển văn hóa, xây dựng các mô hình "Gia đình hạnh phúc", "Thôn, tổ dân phố hạnh phúc", "Xã, phường hạnh phúc"; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa nhiệm vụ, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo tiến độ. Đồng thời, tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá chỉ số hạnh phúc của người dân trong năm 2026, làm cơ sở điều chỉnh chính sách phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

Nguồn: baolaocai.vn

THÁI NGUYÊN: ĐIỀU HÀNH SÁT THỰC TIỄN - CHÌA KHÓA CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo báo cáo của cơ quan chức năng tỉnh Thái Nguyên, trong nửa cuối năm 2025, sau khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động ổn định, toàn tỉnh đã giải quyết trên 417 nghìn hồ sơ thủ tục hành chính, với tỷ lệ đúng và trước hạn đạt 99,96%. 3 tháng đầu năm 2026, hơn 140 nghìn hồ sơ được xử lý, tỷ lệ đúng hạn vẫn ở mức gần tuyệt đối.

Sau sắp xếp, toàn tỉnh Thái Nguyên còn 92 xã, phường, giảm 208 đơn vị, tương đương gần 70% số đơn vị hành chính cấp xã; số sở, ngành cũng giảm từ 28 xuống còn 14, tương ứng giảm 50%. Khi thẩm quyền được phân cấp rõ hơn, trách nhiệm được giao cụ thể hơn, chính quyền cơ sở có điều kiện chủ động trong xử lý công việc.

Ông Hoàng Xuân Thủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, cho biết: Chúng tôi phải chủ động hơn rất nhiều, từ bố trí cán bộ đến giải quyết công việc hằng ngày. Vướng ở đâu thì xử lý ngay ở đó, không để tồn đọng.

Chuyển biến trong điều hành

Trong giai đoạn đầu, không ít khó khăn nảy sinh như thiếu cán bộ chuyên môn, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, lượng hồ sơ tăng nhanh. Trước bối cảnh đó, tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: điều động, tiếp nhận và biệt phái cán bộ; tăng cường công chức, viên chức từ cấp tỉnh về cấp xã (342 người)... Cách điều hành theo hướng "bám cơ sở - xử lý tại chỗ" đã góp phần quan trọng giúp bộ máy mới nhanh chóng vận hành ổn định.

Đáng chú ý, 100% xã, phường đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công, trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thủ tục tại chỗ. Việc bỏ cấp trung gian không làm gián đoạn quản lý, mà ngược lại còn rút ngắn quy trình, giảm thời gian xử lý.

Không chỉ ở cấp xã, cách điều hành cũng đang thay đổi rõ ở cấp sở, ngành. Tại Sở Công Thương, một trong những đơn vị nhiều năm liền dẫn đầu về cải cách hành chính của tỉnh, việc điều hành được triển khai theo hướng cụ thể, rõ người, rõ việc.

Ông Phạm Văn Thọ, Giám đốc Sở Công Thương Thái Nguyên, cho biết: Chúng tôi kiểm soát tiến độ từng khâu, từng hồ sơ. Khi mỗi bộ phận đều rõ trách nhiệm thì công việc sẽ trôi chảy hơn, doanh nghiệp cũng được giải quyết nhanh hơn.

Không chỉ từ phía cơ quan quản lý, cộng đồng doanh nghiệp cũng ghi nhận những chuyển biến rõ rệt trong cách điều hành sau khi bộ máy được tinh gọn và mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào vận hành.

Bà Nguyễn Thị Vinh, Chủ tịch Hội Nữ doanh nhân tỉnh Thái Nguyên, cho biết: Chúng tôi thấy rõ sự thay đổi trong cách làm việc của các sở, ngành. Thủ tục được xử lý nhanh hơn, rõ ràng hơn, khi cần trao đổi cũng thuận lợi hơn trước. Đặc biệt, việc phân cấp về cơ sở giúp doanh nghiệp không phải đi lại nhiều, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp, việc tinh gọn đầu mối và đổi mới trong chỉ đạo điều hành đã giúp giảm tình trạng chồng chéo, rút ngắn quy trình xử lý, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính. Những chuyển biến này không chỉ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà còn góp phần cải thiện môi trường đầu tư, củng cố niềm tin của doanh nghiệp đối với chính quyền.

Kết quả điều hành được phản ánh rõ qua các chỉ số. Theo dữ liệu từ Cổng dịch vụ công quốc gia, trong quý I năm 2026, Thái Nguyên đạt 96,16 điểm, xếp thứ 3/34 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Từ những thay đổi nhỏ như cách hướng dẫn, thời gian chờ đợi, đến những cải tiến trong quy trình xử lý, người dân chính là người cảm nhận rõ nhất hiệu quả của bộ máy hành chính. Và khi công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện sát thực tiễn, linh hoạt và có trách nhiệm, những thay đổi ấy không còn là khẩu hiệu, mà trở thành những chuyển động cụ thể trong đời sống hằng ngày.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh vừa ban hành Công văn số 2484/UBND-CĐS yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2026, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu trọng tâm như: 95% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử và trao đổi qua mạng (trừ văn bản

mật). Các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc rà soát, xây dựng kế hoạch và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/4/2026 để tổng hợp, theo dõi.

Cùng với đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan nhà nước chủ động chuẩn bị triển khai Luật Chuyển đổi số 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026), trong đó nhấn mạnh việc cung cấp dịch vụ công, quản trị nội bộ, chỉ đạo điều hành trên môi trường số; đồng thời rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trước khi số hóa và xây dựng phương án xử lý khi xảy ra sự cố hệ thống.

Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy chế về chuyển đổi số đã ban hành, trọng tâm là sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, ký số 100% văn bản điện tử, khai thác hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hội nghị trực tuyến và hệ thống thông tin báo cáo. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu không thực hiện đầy đủ các quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả; Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả chuyển đổi số tại đơn vị mình.

Thông qua các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, Bắc Ninh đặt mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý, điều hành trên môi trường số, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu quả.

Nguồn: daibieunhandan.vn

HẢI PHÒNG: CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vừa ban hành văn bản số 523/UBND-TTPVHCC yêu cầu các sở, ban, ngành tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoàn thành trước ngày 30/3/2026.

Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng yêu cầu các sở, ban, ngành tiếp tục rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính: 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan tổ chức rà soát cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; hướng dẫn, hỗ trợ... các

doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử.

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm 100% số thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện. Tham mưu sửa đổi, hoàn thiện quy định thủ tục hành chính nội bộ để phù hợp với việc tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

Việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính hoàn thành trước ngày 30/3/2026.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cũng yêu cầu các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tiếp tục đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình, chủ động dựa trên dữ liệu; thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, bảo đảm đạt mục tiêu, chỉ tiêu của thành phố giao trong năm 2026.

Cụ thể, 100% số thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước; 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

Những chỉ đạo trên nhằm tiếp tục triển khai rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

Trên địa bàn thành phố, công tác cải cách thủ tục hành chính luôn được triển khai đồng bộ, quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Công tác công bố, công khai, minh bạch thủ tục hành chính tiếp tục được chú trọng. 100% thủ tục hành chính được niêm yết, công khai đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tra cứu và thực hiện.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố cũng đã chỉ đạo các địa phương triển khai nghiêm túc Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/2/2025 về xây dựng mô hình "Chính quyền thân thiện", coi cải cách hành chính và xây dựng văn hóa công vụ là nhiệm vụ xuyên suốt.

Đến nay 100% chính quyền cấp xã trên địa bàn thành phố triển khai mô hình "Chính quyền thân thiện". Qua quá trình triển khai, mô hình "Chính quyền thân thiện" tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Trách nhiệm phục vụ nhân dân được nâng cao, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, niềm tin của người dân đối với chính quyền cơ sở ngày càng được củng cố. Nhờ đó, kết thúc năm 2025, Hải Phòng dẫn đầu cả nước về Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

THANH HÓA: ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU - BƯỚC CHUYỂN THỰC CHẤT TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Dữ liệu đang từng bước định hình lại cách vận hành của bộ máy hành chính. Tại Thanh Hóa, việc kết nối, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu không còn dừng ở khâu kỹ thuật, mà đã đi thẳng vào từng quy trình giải quyết thủ tục. Hiệu quả đã rõ, song những "điểm nghẽn" cũng dần bộc lộ, đặt ra yêu cầu siết chặt kỷ cương dữ liệu để tạo chuyển biến thực chất trong cải cách hành chính.

Dữ liệu thông - thủ tục gọn

Tại xã Yên Trường, việc kết nối cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai với hệ thống dữ liệu quốc gia đã làm thay đổi rõ rệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Nếu như trước đây, mỗi bộ hồ sơ đòi hỏi nhiều loại giấy tờ, thậm chí phải đi lại bổ sung do thiếu hoặc sai thông tin, thì nay phần lớn dữ liệu đã được số hóa, cán bộ chỉ cần tra cứu trên hệ thống để xử lý.

Nhờ đó, thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được rút ngắn, nhiều thủ tục được giải quyết ngay trong ngày, giảm đáng kể chi phí và công sức cho người dân.

Không chỉ riêng xã Yên Trường, việc kết nối và khai thác dữ liệu đang được triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh. Đến nay, 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện đã được cung cấp; tại nhiều địa phương, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt trên 90%. Riêng tháng 2/2026, toàn tỉnh tiếp nhận 97.479 hồ sơ, trong đó 96.071 hồ sơ trực tuyến, đạt 98,56%. Việc tái sử dụng dữ liệu số hóa phát huy hiệu quả rõ rệt, giúp người dân không phải kê khai lại thông tin trong những lần thực hiện thủ tục tiếp theo.

Bà Lê Thị Chinh, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Định Tân cho biết: "Khi dữ liệu đã được số hóa đầy đủ, hệ thống sẽ tự động hiển thị lại thông tin của công dân trong các lần giao dịch sau. Nhờ đó, người dân không phải khai lại từ đầu, cán bộ cũng giảm nhiều thao tác kiểm tra, đối chiếu, nên thời gian xử lý hồ sơ được rút ngắn rõ rệt".

Dữ liệu có - khai thác chưa đều

Song song với dữ liệu dân cư, Thanh Hóa đang đẩy mạnh xây dựng và kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Hiện tỉnh triển khai 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu, nhiều lĩnh vực đã có kết quả bước đầu.

Trong đó, lĩnh vực đất đai đã đồng bộ hơn 1,1 triệu thửa, đạt gần 76%. Dữ liệu bảo hiểm xã hội được xác thực với cơ sở dữ liệu dân cư đối với hơn 3,13 triệu người, đạt 99,87%. Công tác làm sạch dữ liệu ở các lĩnh vực hộ tịch, lý lịch tư pháp, an sinh xã hội... tiếp tục được triển khai, từng bước nâng cao chất lượng dữ liệu.

Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu giữa các hệ thống vẫn chưa thực sự đồng đều. Ở một số địa phương, hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế; tiến độ số hóa chưa đồng bộ; dữ liệu chưa được chuẩn hóa đầy đủ, ảnh hưởng đến hiệu quả kết nối và sử dụng. Thực tế tại cơ sở cho thấy, những "điểm nghẽn" này tác động trực tiếp đến quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Ông Lê Văn Hai, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thiệu Hóa cho biết: "Thời gian đầu, dữ liệu giữa các hệ thống chưa đồng bộ nên việc tra cứu, xử lý hồ sơ còn mất thời gian, có lúc phải kiểm tra lại thủ công. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, cán bộ đã chủ động cập nhật, hoàn thiện dữ liệu, nên đến nay cơ bản đã thông suốt hơn".

Siết kỷ cương - tăng tốc đồng bộ

Trước những tồn tại trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Công văn số 4504/UBND-HCC ngày 16/3/2026, yêu cầu các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

Quan điểm được xác định rõ: không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu; từng bước xóa bỏ cơ chế "xin - cho", nâng cao chất lượng phục vụ. Tỉnh Thanh Hóa đặt mục tiêu trong năm 2026: 100% thủ tục hành chính nội bộ được xử lý trên môi trường điện tử; 100% thông tin của doanh nghiệp chỉ cung cấp một lần; 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình. Cùng với đó, các đơn vị được yêu cầu đẩy mạnh số hóa hồ sơ, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu, bảo đảm kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Ông Nguyễn Văn Tuyên, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa cho biết: "Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được kết nối với 23 phần mềm của các bộ, ngành Trung ương, góp phần xử lý hồ sơ nhanh hơn, chính xác và minh bạch hơn. Thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc tiến độ từng đơn vị, đồng thời hướng dẫn các địa phương hoàn thiện dữ liệu để bảo đảm việc kết nối, khai thác thông suốt, hiệu quả".

Thực tế cho thấy, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa của tỉnh Thanh Hóa hiện đạt 93,46%, đứng đầu cả nước. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số theo hướng hiện đại, minh bạch và phục vụ.

Dữ liệu không còn là "kho lưu trữ", mà đang trở thành công cụ vận hành của nền hành chính. Và khi "mỗi thông tin chỉ khai một lần", "mỗi hồ sơ xử lý trên một hệ thống", thì hiệu quả cải cách không chỉ đo bằng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, mà được đo bằng sự thuận tiện, hài lòng của người dân – nhanh hơn, rõ hơn và thực chất hơn.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: TIẾP TỤC SẮP XẾP, TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY; KIÊN QUYẾT THAY THẾ CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC YẾU KÉM

Tỉnh ủy Nghệ An vừa ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, trong đó có nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện cải cách hành chính

Để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên "có điểm bắt đầu, không có điểm kết thúc"; gắn cải cách hành chính với xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, có nội dung liên quan đến tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

Bên cạnh đó, đưa nội dung cải cách hành chính vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy. Lấy hiệu quả thực hiện cải cách hành chính, kết quả thực hiện nhiệm vụ được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao có thời hạn, chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Đây là yêu cầu nhằm đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong thực thi, tạo chuyển biến thực chất trong toàn hệ thống chính trị.

Bên cạnh đó, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, chịu trách nhiệm trước Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Thực hiện nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả" trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính

Thực hiện nghiêm nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả" trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả cải cách hành chính thấp, để xảy ra nhiều hồ sơ quá hạn, những nội dung quan trọng, nhiệm vụ cấp bách, nhiều nội dung chưa thực hiện đảm bảo yêu cầu, nhiều phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp hoặc xảy ra tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính thì người đứng đầu phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền; tùy mức độ vi phạm sẽ xem xét xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính; điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Kịp thời phát hiện, bãi bỏ các văn bản, công văn, quy định làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết, không đúng thẩm quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời, cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở cải tiến quy trình nội bộ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Thực hiện nghiêm cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai, minh bạch việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số; công khai đầy đủ thời gian giải quyết đối với từng thủ tục hành chính, tiến độ xử lý hồ sơ và kết quả giải quyết để người dân, doanh

nghiệp theo dõi, giám sát; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; chậm trễ phải xác định rõ trách nhiệm tổ chức, cá nhân liên quan.

Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh…

Kiên quyết thay thế cán bộ công chức, viên chức yếu kém, đùn đẩy, né tránh

Tại Chỉ thị này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính nhất là trong chấp hành và thực hiện phải bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kiểm tra công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi những nhiễu, gây phiền hà, tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Nâng cao chất lượng phát biểu, tinh thần trách nhiệm trong thảo luận và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kết luận sau cuộc họp.

Thực hiện nghiêm quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh.

Kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh, ngại va chạm, sợ trách nhiệm, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đồng thời, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong thực thi nhiệm vụ.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước

Cùng với đó, tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng, hoàn thiện phần mềm đánh giá chuyển đổi số, bộ chỉ số đo lường mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước; bảo đảm 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo đúng quy định.

Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin nhằm phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp; từng bước hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và điều hành.

Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất chuyển từ tư duy "quản lý" sang "phục vụ", lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo hướng giảm trung gian

Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng giảm trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm vận hành thông suốt.

Sắp xếp, tinh gọn bộ máy gắn liền với phân cấp, phân quyền

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền rõ ràng, thực chất, gắn với năng lực của từng cấp, từng ngành; phân định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp cơ sở, giữa tập thể và cá nhân; khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, gắn với cơ chế đánh giá, hậu kiểm chặt chẽ.

Rà soát, đánh giá toàn diện các quy định, quy chế làm việc của cấp ủy đảng tại địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ;

Kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính.

Tổ chức thực hiện Chỉ thị

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, triển khai sâu rộng Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Chỉ thị này bằng các chương trình, kế hoạch và giải pháp cụ thể; tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Lựa chọn một số lĩnh vực trọng tâm, cấp bách, để tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến rõ nét, làm điểm nhấn trong thực hiện cải cách hành chính năm 2026. Chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí, chủ đề trọng tâm hằng năm về cải cách hành chính gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức theo dõi, đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương một cách thực chất, công khai, minh bạch; tăng cường thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ công vụ…

Đảng ủy các xã, phường; đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; đưa nội dung cải cách hành chính vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp đẩy mạnh cải cách hành chính; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém; xử lý nghiêm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm, chậm trễ trong giải quyết công việc.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định hướng, hướng dẫn công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; đồng thời phản ánh, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đưa kết quả thực hiện cải cách hành chính vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị này; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, nắm tình hình, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong giải quyết thủ tục hành chính.

Công an tỉnh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, đánh giá kết quả thực hiện. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Tổ công tác theo dõi, nắm bắt, đánh giá tình hình kết quả thực hiện Chỉ thị này…

Nguồn: baochinhphu.vn

GIA LAI: "ĐẠI PHẪU" THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sau 3 đợt rà soát toàn diện, mới đây Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành phương án cắt giảm thời gian và chi phí tuân thủ đối với 1.713 thủ tục hành chính - một cuộc "đại phẫu" chưa từng có, tác động trực tiếp đến toàn bộ hệ thống công vụ.

Kết quả mang lại thật ấn tượng: 100% thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết, với mức giảm bình quân hơn 55% - vượt xa mục tiêu Chính phủ giao. Trong đó, 790 thủ tục thuộc nhóm cấp phép, cấp giấy chứng nhận được ưu tiên cải cách.

Ông Nguyễn Bay, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai, nhận xét điểm đột phá rõ nét nhất là lĩnh vực đầu tư. Nếu như trước đây, một dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp phải mất tới 242 ngày để hoàn tất thủ tục thì nay chỉ còn 60 ngày. Thủ tục đầu tư dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp cũng giảm từ 145 ngày xuống 38 ngày.

Không chỉ rút ngắn thời gian, tỉnh Gia Lai còn thay đổi cách làm với quy chế liên thông nhóm thủ tục đầu tư - nông nghiệp - môi trường - xây dựng - phòng cháy, chữa cháy. Việc này giúp xóa bỏ tình trạng mỗi nơi một quy trình, giảm chồng chéo.

Thủ tục đăng ký doanh nghiệp nay cũng chỉ còn 3 giờ. Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ ở bất kỳ phường - xã nào trong tỉnh Gia Lai, mở ra cơ hội thuận lợi cho nhà đầu tư.

Cùng với đó, tỉnh Gia Lai cũng đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền. Riêng năm 2025, 258 thủ tục được ủy quyền, 42 thủ tục được phân cấp trong các lĩnh vực công thương, việc làm và

quản lý khu kinh tế. Việc trao quyền đi kèm trách nhiệm giúp quy trình xử lý hồ sơ trở nên nhanh gọn, rõ ràng hơn.

Nhờ những cải cách đồng bộ, tỉnh Gia Lai đã vươn lên xếp thứ 2/34 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Kiến tạo, phục vụ

Tỉnh Gia Lai cũng thẳng thắn nhìn nhận một số hạn chế như: hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, trang thiết bị còn thiếu; nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là lĩnh vực công nghệ thông tin, vẫn là bài toán khó giải. Việc điều hành chưa dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, nhiều thủ tục chưa được tích hợp đầy đủ, dẫn đến các hệ thống chưa đồng bộ, khiến việc liên thông, kết nối và khai thác dữ liệu gặp khó khăn.

Theo nhận định của lãnh đạo tỉnh Gia Lai, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay không phải là cơ chế hay công nghệ mà ở khâu giám sát thực thi. Việc kiểm soát tiến độ xử lý hồ sơ cũng như đánh giá mức độ thực hiện các chỉ đạo cải cách ở từng đơn vị vẫn chưa thật sự hiệu quả.

Để giải quyết, lãnh đạo tỉnh Gia Lai yêu cầu xây dựng hệ thống đo đếm, theo dõi và giám sát việc cung cấp dịch vụ công một cách thực chất, dựa trên dữ liệu tiến độ hồ sơ, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Những nơi thực hiện chưa hiệu quả phải được nhận diện và xử lý kịp thời.

Bên cạnh đó, tỉnh Gia Lai đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, triển khai nhiều mô hình hỗ trợ như đại lý dịch vụ công tại ngân hàng, bưu điện văn hóa xã, quầy ưu tiên, ki-ốt thông minh. Đến nay, tỉnh đã công bố 2.144 thủ tục hành chính thực hiện phi địa giới. Trong đó, 436 thủ tục thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy bằng dữ liệu điện tử, 734 thủ tục khác sử dụng giấy tờ sẵn có trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nguồn: nld.com.vn

LÂM ĐỒNG: ĐỘT PHÁ TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo Ủy ban nhân dân xã Đức Trọng (tỉnh Lâm Đồng), xác định chuyển đổi số là chìa khóa để khai thông các điểm nghẽn trong cải cách hành chính, địa phương đã ban hành hàng loạt văn bản chỉ đạo sát sao, từ kế hoạch rà soát đánh giá thủ tục đến việc thành lập hệ thống đầu mối cán bộ chuyên trách.

Điểm nhấn nổi bật nhất chính là sự vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã từ ngày 01/7/2025, khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai. Với quy mô 12 quầy tiếp nhận và trả kết quả, trung tâm không chỉ giải quyết các thủ tục thuộc thẩm quyền cấp xã mà còn phối hợp liên thông với các lực lượng công an, thuế và bảo hiểm xã hội. Sự hiện diện của bộ nhận diện thương hiệu "Hành chính phục vụ" cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ như: máy quét, kiosk dịch vụ công và hệ thống bấm số tự động đã tạo nên một không gian làm việc chuyên nghiệp, minh bạch.

Kết quả thực tiễn cho thấy hiệu quả rõ rệt khi tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến và số hóa đạt khá cao. Chỉ tính riêng từ giữa năm 2025 đến nay, trong tổng số hơn 11.800 hồ sơ tiếp nhận, có đến 99,7% hồ sơ được thực hiện trực tuyến. Đặc biệt, tỷ lệ giải quyết trước hạn luôn duy trì ở mức cao trên 98%, trong khi hồ sơ quá hạn được kéo giảm xuống mức tối thiểu dưới 0,5%. Việc triển khai quét mã QR để tra cứu 452 thủ tục hành chính thay vì niêm yết giấy truyền thống đã giúp người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác chỉ bằng một thao tác trên điện thoại thông minh.

Mặt khác, xã Đức Trọng đã mạnh dạn triển khai thí điểm nhiều mô hình sáng kiến cải cách mang tính đột phá. Mô hình "Hồ sơ không hẹn" đối với các thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân đã giúp hàng trăm công dân nhận kết quả ngay trong ngày mà không phải chờ đợi. Trong khi đó, mô hình "Hồ sơ không bản giấy" và "Hồ sơ giấy một lần" thông qua việc tích hợp dữ liệu từ ứng dụng VNeID đã giúp tự động hóa quá trình điền thông tin, giảm bớt gánh nặng giấy tờ cho cả người dân lẫn cán bộ xử lý. Những nỗ lực này đã góp phần hiện thực hóa mục tiêu chứng thực bản sao điện tử và thanh toán trực tuyến, với hàng ngàn giao dịch được thực hiện an toàn, thuận tiện.

Tuy nhiên, hành trình chuyển đổi số tại địa phương vẫn đối mặt với không ít rào cản khách quan. Hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia đôi lúc hoạt động chưa ổn định, việc liên thông giữa các phần mềm quản lý văn bản còn chồng chéo gây tốn thời gian nhập liệu thủ công. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi vẫn còn lúng túng khi thao tác trên môi trường điện tử hoặc hay quên mật khẩu tài khoản định danh. Để khắc phục điều này, xã đã huy động tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng đoàn thanh niên tình nguyện trực tiếp hướng dẫn tại trung tâm, cầm tay chỉ việc cho từng người dân khi đến giao dịch.

Trong năm 2026, xã Đức Trọng đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm tính thống nhất và chia sẻ dữ liệu liên thông hoàn toàn. Địa phương sẽ tập trung nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, đồng thời đẩy mạnh truyền thông để người dân dần hình thành thói quen tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến mà không cần sự hỗ trợ trực tiếp. Việc công khai số điện thoại đường dây nóng và thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng sẽ tiếp tục là kênh giám sát hữu hiệu để chấn chỉnh đạo đức công vụ. Với những nền tảng vững chắc đã xây dựng, chuyển đổi số tại Đức Trọng đang thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Nguồn: baolamdong.vn

AN GIANG: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CHUYỂN BIẾN ĐỒNG BỘ, NÂNG CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN

Quý I/2026, công tác cải cách hành chính của tỉnh An Giang tiếp tục được triển khai toàn diện, đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Từ hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành

chính đến chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ, tỉnh từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Chỉ đạo quyết liệt, nhiệm vụ triển khai đúng tiến độ

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cho biết: Ngay từ đầu năm 2026, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính một cách toàn diện, bám sát chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ.

Trong quý I, An Giang đã ban hành 14 văn bản chỉ đạo, điều hành, gồm 02 báo cáo, 04 quyết định, 05 kế hoạch và 03 văn bản chỉ đạo khác nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ cải cách hành chính .

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đồng thời giao 64 nhiệm vụ cải cách hành chính cho các sở, ngành, trong đó đã hoàn thành 11 nhiệm vụ (đạt 17,18%), các nhiệm vụ còn lại đang được triển khai theo kế hoạch.

Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện đồng bộ, gắn với triển khai các nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Tỉnh An Giang cũng chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026, tạo sự lan tỏa trong toàn hệ thống chính trị.

Hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng văn bản pháp luật

Trong lĩnh vực cải cách thể chế, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quý I, cấp tỉnh đã ban hành 15 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 01 nghị quyết và 14 quyết định). Đồng thời, tỉnh đã cho ý kiến xây dựng 34 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 42 quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trên nhiều lĩnh vực.

Công tác thẩm định được thực hiện chặt chẽ với 113 dự thảo văn bản cá biệt và 58 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xem xét, góp phần nâng cao chất lượng ban hành chính sách.

Đáng chú ý, công tác rà soát văn bản được thực hiện quyết liệt. Trong tổng số 467 văn bản thuộc diện rà soát, tỉnh đã xử lý 446 văn bản, đạt tỷ lệ 95,5%; việc kiểm tra 14 văn bản đạt tỷ lệ xử lý 100%, không phát sinh văn bản cần xử lý .

Tỉ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt trên 98%

Cải cách thủ tục hành chính tiếp tục là điểm sáng trong quý I/2026.

Toàn tỉnh hiện có 2.229 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, trong đó cấp tỉnh 1.795 thủ tục và cấp xã 434 thủ tục. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 810 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính, gồm 108 thủ tục mới và 702 thủ tục thay thế, bãi bỏ.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì hiệu quả, với 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa.

Đáng chú ý, tỉnh đã giải quyết 234.316 hồ sơ, trong đó 230.774 hồ sơ đúng và trước hạn, đạt tỉ lệ 98,49%, chỉ có 1,51% hồ sơ quá hạn .

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức cũng được chú trọng. Trong quý, tỉnh An Giang tiếp nhận 638 phản ánh, kiến nghị, đã xử lý và công khai 529 phản ánh, đạt tỉ lệ 81,5%.

Việc triển khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, giải quyết hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính với 2.258 thủ tục đã góp phần nâng cao tính thuận tiện, giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

Bộ máy tinh gọn, vận hành đồng bộ chính quyền 2 cấp

Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của 14 cơ quan chuyên môn và 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh. Hiện nay, cấp tỉnh có 14 cơ quan chuyên môn, 02 tổ chức hành chính và 14 đơn vị sự nghiệp công lập; cấp xã có 102 Uỷ ban nhân dân xã, phường, đặc khu với 303 phòng chuyên môn và 102 Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Về biên chế, năm 2026 tỉnh được giao 2.589 biên chế công chức cấp tỉnh, 7.541 biên chế cấp xã và 63.298 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập .

Công tác xây dựng vị trí việc làm được đẩy mạnh, với việc phê duyệt đề án vị trí việc làm cho toàn bộ các cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp xã, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự.

Chuyển đổi số bứt phá, hình thành nền hành chính số

Chuyển đổi số tiếp tục là điểm nhấn nổi bật trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Hạ tầng số được đầu tư đồng bộ, với 100% xã, phường, đặc khu được phủ sóng Internet cáp quang và băng rộng di động; các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện đều được kết nối mạng.

Tỉnh đã cấp 94.447 chữ ký số công cộng, đạt tỷ lệ 5% dân số trong độ tuổi lao động; đồng thời cấp hơn 20.000 chữ ký số công vụ, bảo đảm trên 98% cán bộ, công chức, viên chức có chữ ký số phục vụ xử lý công việc.

Hệ thống thông tin được vận hành đồng bộ, với 100% văn bản điện tử, hệ thống quản lý văn bản có 20.426 tài khoản, hệ thống thư điện tử công vụ hơn 20.000 tài khoản.

Đặc biệt, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính đã tiếp nhận 316.870 hồ sơ, trong đó 270.476 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ cao; tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 96,43% .

Toàn tỉnh hiện có 2.103 dịch vụ công trực tuyến, gồm 512 dịch vụ công trực tuyến một phần và 348 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đạt 95,17/100 điểm, xếp 18/34 tỉnh, thành phố, mức xuất sắc.

Quản lý tài chính công chặt chẽ, bảo đảm hiệu quả

Trong lĩnh vực tài chính công, tỉnh đã đạt kết quả tích cực trong thu ngân sách.

Trong 2 tháng đầu năm 2026, tổng thu ngân sách đạt 5.879 tỷ đồng, bằng 18,2% dự toán, vượt 1,5% tiến độ bình quân.

Giải ngân vốn đầu tư công đạt 1.040.080 triệu đồng, tương ứng 3,81% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và 3,92% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Công tác thực hiện kiến nghị sau kiểm toán được triển khai nghiêm túc, với tổng kiến nghị lớn và tỷ lệ thực hiện đạt 29,51% đối với kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024.

Quý I/2026, công tác cải cách hành chính của tỉnh An Giang đã đạt nhiều kết quả rõ nét, từ hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính đến chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ. Dù vẫn còn một số hạn chế về hạ tầng và nguồn lực, song với sự chỉ đạo quyết liệt và các giải pháp đồng bộ, tỉnh đang từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển và phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

Nguồn: baochinhphu.vn

CÀ MAU: NÂNG CHẤT GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Trong quý I/2026, công tác cải cách hành chính của Cà Mau được triển khai quyết liệt với mục tiêu trọng tâm là nâng chất giải quyết thủ tục hành chính hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả. Dù trong tháng 2 có kỳ nghỉ tết Nguyên đán dài nhưng khi trở lại làm việc, các cơ quan hành chính vẫn duy trì hoạt động thông suốt, bảo đảm tiến độ xử lý hồ sơ, không để gián đoạn dịch vụ.

Điểm nhấn trong những tháng đầu năm 2026 là chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên rõ rệt. Riêng tháng 2, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn ở cấp tỉnh đạt 98,57%, tăng so với 94,16% của tháng trước, trong khi cấp xã duy trì tỷ lệ cao 98,67%. Đặc biệt, hồ sơ trễ hạn tại cấp tỉnh giảm mạnh từ 5,84% xuống còn 1,43%, cho thấy hiệu quả của việc nâng chất từng khâu, từ tiếp nhận, xử lý đến theo dõi tiến độ hồ sơ.

Nâng chất không chỉ thể hiện qua con số mà còn là trải nghiệm thực tế của người dân. Ông Nguyễn Minh Huấn, ấp Khúc Tréo A, xã Phong Thạnh, chia sẻ: “Hiện nay, việc làm thủ tục hành chính ở xã khá nhanh gọn, cán bộ hướng dẫn tận tình. Nhiều thủ tục có thể thực hiện trực tuyến nên người dân không phải đi lại nhiều lần, tiết kiệm thời gian và công sức”. Những phản hồi này là minh chứng sống động cho hiệu quả của việc nâng chất giải quyết thủ tục hành chính, đem lại tiện ích thiết thực cho cộng đồng.

Công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính cũng được nâng chất song song với ứng dụng công nghệ. Ông Đặng Hoàng Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thới Bình, nhấn mạnh: “Ngay từ đầu năm, chúng tôi quán triệt cho cán bộ, công chức thực hiện nghiêm kỷ luật hành chính, bảo đảm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đúng hạn. Các hồ sơ phát sinh trong dịp đầu năm đều được theo dõi, xử lý kịp thời, không để tồn đọng kéo dài, đồng thời đẩy mạnh số hoá và tiếp nhận trực tuyến để nâng cao chất lượng phục vụ”.

Ở cấp tỉnh, việc điều phối và giám sát tiến độ được nâng cấp, đảm bảo mọi hồ sơ được xử lý nhanh, đúng hạn và hiệu quả. Ông Hồ Chí Linh, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau, cho biết: "Trung tâm phối hợp với các sở, ngành rà soát, theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ, nhắc nhở kịp thời các đơn vị và đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hoá hồ sơ và thanh toán trực tuyến nhằm nâng chất toàn bộ quá trình phục vụ người dân".

Ngay trong những tháng đầu năm, tỉnh đã ghi nhận những tín hiệu tích cực về nâng chất giải quyết thủ tục hành chính: tiến độ xử lý nhanh hơn, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn tăng cao, hồ sơ trễ hạn giảm mạnh, công nghệ số được ứng dụng rộng rãi, đem lại tiện ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp. Những kết quả này không chỉ khẳng định quyết tâm và trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong nâng chất phục vụ, mà còn tạo đà để tỉnh tiếp tục cải cách mạnh mẽ trong các tháng tới, hướng tới xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo quan trọng nhất.

Nguồn: baocamau.vn

PHÁT HUY VAI TRÒ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiểm soát quyền lực nhà nước được xác định là trụ cột bảo đảm tính dân chủ, pháp quyền và liêm chính của bộ máy công quyền. Kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua chức năng giám sát, phản biện xã hội. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã hiến định việc mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh - xã), vì vậy, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương càng trở nên quan trọng.Cơ sở lý luận về phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế và phát triển xã hội

Sự cần thiết tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Khái lược về kiểm soát quyền lực nhà nước

Trong khoa học chính trị, "quyền lực" là một khái niệm trung tâm, được tiếp cận dưới nhiều góc độ. Theo Max Weber - nhà xã hội học, nhà sử học người Đức: quyền lực là "khả năng của một cá nhân hay tổ chức buộc người khác phải tuân theo ý chí của mình, bất kể họ có đồng thuận hay không"(1). Từ góc nhìn luật học, quyền lực được hiểu là năng lực của một chủ thể áp đặt ý chí, điều khiển hành vi và định đoạt kết quả hành động của chủ thể khác trong khuôn khổ xã hội có tổ chức(2).

Nhà nước, xét về bản chất, là thiết chế quyền lực công do nhân dân lập ra qua bầu cử và được nhân dân ủy thác quyền lực chính trị nhằm điều hành, bảo đảm trật tự và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Quyền lực khi được thể chế hóa bằng hiến pháp và pháp luật, trở thành quyền lực nhà nước - một dạng quyền lực công mang tính pháp lý, được bảo đảm thực thi thông qua hệ thống cơ quan nhà nước và các công cụ cưỡng chế hợp pháp(3). Quyền lực nói chung, quyền lực nhà nước nói riêng có bản chất trung tính, nhưng dễ bị chủ thể nắm quyền lạm dụng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hữu hiệu(4).

Kiểm soát quyền lực nhà nước được xem là tổng thể các nguyên tắc, cơ chế và công cụ nhằm giám sát, giới hạn, điều chỉnh việc thực thi quyền lực nhà nước, bảo đảm rằng quyền lực do nhân dân ủy thác được sử dụng đúng mục đích, trong giới hạn và vì lợi ích công(5). Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật tổ chức quyền lực mà còn là biểu hiện của nền quản trị dân chủ và pháp quyền hiện đại, trong đó người dân giữ vai trò trung tâm, là chủ thể tối cao của quyền lực(6).

Nhìn từ phương diện cấu trúc, quyền lực nhà nước có thể được kiểm soát thông qua ba cơ chế cơ bản: (i) Kiểm soát theo chiều ngang - giữa các cơ quan nắm giữ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, dựa trên nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau; (ii) Kiểm soát theo chiều dọc - giữa trung ương và địa phương, thể hiện qua mối quan hệ giám sát,

thanh tra, kiểm tra và giải trình trong hệ thống hành chính; (iii) Kiểm soát từ bên ngoài - được thực hiện bởi các tổ chức xã hội, báo chí, doanh nghiệp, công dân và cộng đồng, với mục tiêu phản biện và thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền[7]. Trong ba cơ chế này, kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài (hay từ xã hội) đóng vai trò đặc biệt trên thế giới hiện nay - khi yêu cầu dân chủ hóa đời sống chính trị và nâng cao năng lực giám sát của người dân trở thành xu thế tất yếu của quản trị hiện đại ở mọi quốc gia[8]. Cần lưu ý, kiểm soát quyền lực nhà nước từ xã hội không làm suy yếu quyền lực nhà nước, trái lại, giúp tăng cường tính chính danh và hiệu quả của nhà nước, vì quyền lực mà nhà nước sử dụng chỉ có thể được xem là chính đáng khi chủ thể sử dụng quyền lực được giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở nước ta

Ở Việt Nam, tư tưởng về kiểm soát quyền lực đã được khẳng định xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng, được Nhà nước thể chế hoá trong Hiến pháp và pháp luật. Nguyên tắc về kiểm soát quyền lực đã được cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội XII (2016), trong đó yêu cầu xác định rõ cơ chế kiểm soát quyền lực nói chung, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các cấp chính quyền[9]. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực[10]. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nêu rõ: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp". Như vậy, có thể khẳng định, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiểm soát quyền lực đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Điều này phù hợp với quan điểm phổ biến của cộng đồng quốc tế xem kiểm soát quyền lực như là công cụ cốt lõi để bảo đảm dân chủ, liêm chính và hiệu quả quản trị công.

Kể từ Hiến pháp năm 2013, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được nhìn nhận như thiết chế giám sát quyền lực trong hệ thống kiểm soát quyền lực nhà nước, cả ở cấp trung ương và địa phương. Vai trò này đã được hiến định tại Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (từ trước khi sửa đổi, bổ sung năm 2025), khi Mặt trận được giao thực hiện "giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước". Tuy nhiên, việc triển khai quy định trong thực tiễn còn nhiều hạn chế do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan[11].

Việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (tỉnh - xã) được Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) hiến định là một bước tiến quan trọng trong cải cách thể chế quản trị quốc gia ở nước ta. Mô hình này hướng tới tinh gọn bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Tuy nhiên, việc rút gọn tầng nấc trung gian hành chính cũng đồng nghĩa với việc giảm bớt một cấp kiểm soát bên trong (cấp huyện), gây tiềm ẩn rủi ro với việc kiểm soát quyền lực nhà nước tại cấp cơ sở nếu không có thiết kế bổ sung từ cơ chế kiểm soát bên ngoài[12]. Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố để trở thành thiết chế giám sát quyền lực hiệu quả, góp phần bảo đảm hiệu lực và hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt ở cấp địa phương.

Thực trạng vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương

Cơ sở chính trị, pháp lý và công cụ

Trong hệ thống kiểm soát quyền lực ở Việt Nam, bên cạnh cơ chế kiểm soát bên trong bộ máy nhà nước (kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát tư pháp, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương), Hiến pháp và pháp luật thừa nhận vai trò kiểm soát từ xã hội, đặc biệt là thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội,…". Ngày 12/12/2013, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW, "Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội", đã chỉ rõ: "Giám sát và phản biện xã hội" là giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội[13]. Tiếp đó, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 218-QĐ/TW, về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền[14]. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: "Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước"[15].

Như vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với công cụ cốt lõi để tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước, là phản biện xã hội và giám sát xã hội, trong đó, phản biện xã hội thể hiện ở việc Mặt trận Tổ quốc góp ý, thẩm định xã hội đối với dự thảo chủ trương, chính sách, đề án, văn bản quy phạm của Đảng và Nhà nước trước khi ban hành, nhằm phòng ngừa rủi ro chính sách, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp thực tiễn. Trong khi đó, giám sát xã hội thể hiện ở việc Mặt trận Tổ quốc theo dõi, đánh giá quá trình thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước, qua đó phát hiện vi phạm, kiến nghị sửa chữa, xử lý trách nhiệm và cải cách thủ tục. Hai chức năng này tạo ra "vòng phản hồi chính sách" dựa trên bằng chứng, phù hợp với xu thế quốc tế về xây dựng chính quyền mở và trách nhiệm xã hội[16].

Việc hiến định mô hình chính quyền địa phương hai cấp trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là bước cải cách thể chế quan trọng, giúp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực điều hành và tiết kiệm chi phí, làm thay đổi đáng kể cấu trúc quyền lực nhà nước ở cấp địa phương. Mô hình này cũng đặt ra thách thức về bảo đảm hiệu quả của cơ chế kiểm soát quyền lực ở cấp địa phương, nhất là trong quan hệ giữa các cơ quan chính quyền địa phương và giữa chính quyền với nhân dân. Trong bối cảnh đó, yêu cầu củng cố cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các chủ thể ngoài nhà nước khác trở nên cấp thiết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố để đóng vai trò trung tâm trong cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước, thông qua việc thực hiện hiệu quả chức năng giám sát, phản biện xã hội đã được hiến định tại Điều 9 Hiến pháp năm 2013. Nhìn rộng hơn khi không còn cấp huyện, cần củng cố vai trò kết nối giữa chính quyền và người dân tại cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã

hội nhằm phản ánh kịp thời, đầy đủ ý kiến, nguyện vọng của người dân và giúp cảnh báo sớm nguy cơ vi phạm pháp luật của bộ máy công quyền.

Những thành tựu, hạn chế

Với tính chất là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho các tầng lớp nhân dân, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp địa phương. Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tiến hành giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương các cấp, thông qua nhiều hình thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của nhân dân góp ý xây dựng các dự thảo luật. Qua quá trình giám sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã kịp thời phát hiện những yếu kém, sai sót, thiếu trách nhiệm trong quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, gây phiền hà và thiệt hại cho nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp; đồng thời phát hiện những chính sách, pháp luật chưa hợp lý, thiếu khả thi để đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn[17].

Vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng được khẳng định thông qua việc Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp đã tổ chức góp ý, phản ánh, kiến nghị với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp về dự thảo các chủ trương, chính sách, đề án liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân và tổ chức, doanh nghiệp. Những phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong thời gian qua được dư luận đánh giá cao, nhiều nội dung phản biện được cơ quan chủ trì soạn thảo của ủy ban nhân dân, các sở, ngành tiếp thu trong quá trình chỉnh lý[18]. Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc ở cấp địa phương từng bước nâng cao hiệu quả công tác phản biện xã hội, như Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Với vai trò là "tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em" (Điều 77, Luật Trẻ em năm 2016), Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã triển khai hiệu quả các hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em ở cấp địa phương, đã thành lập 27 hội đồng trẻ em cấp tỉnh, 64 hội đồng trẻ em cấp huyện, 26 hội đồng trẻ em cấp xã[19]. Cùng với việc tổ chức các kỳ họp định kỳ, nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức hội nghị, gặp mặt, đối thoại trực tiếp giữa hội đồng trẻ em với lãnh đạo tỉnh ủy, hội đồng nhân dân tỉnh, tạo cơ hội cho các em trực tiếp đề xuất các ý kiến, kiến nghị tới các lãnh đạo[20]. Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến trẻ em được các đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị các sở, ngành, các tổ chức đoàn thể quan tâm giải quyết. Mô hình phiên họp giả định "Quốc hội trẻ em" được tổ chức (năm 2023, 2024) mang lại những kết quả thiết thực, là cơ sở để các cấp ban hành chính sách[21].

Tuy nhiên, xét tổng quát, hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức thành viên vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của nhân dân, cụ thể như sau:

Một là, phạm vi đối tượng, nội dung giám sát và phản biện xã hội chưa đầy đủ, toàn diện. Trong thực tế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên còn xảy ra tình trạng "bỏ trống" việc giám sát một số lĩnh vực quan trọng, như hoạt động quản lý, điều hành của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các cơ quan tư pháp.

Hai là, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Ý kiến phản biện xã hội chưa bao quát hết các dự thảo chính sách, pháp luật, đề án quan trọng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Ba là, sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc các cấp với các tổ chức thành viên; giữa chủ thể phản biện (Mặt trận Tổ quốc) với các cơ quan, tổ chức nhận sự phản biện (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân các cấp) chưa tốt. Nhiều kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc đối với các cơ quan nhà nước địa phương chưa được tiếp thu và phản hồi kịp thời.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, tồn tại nêu trên, bao gồm:

Thứ nhất, vị trí, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đôi lúc còn bị xem nhẹ. Mặt trận và các tổ chức thành viên ở một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của hoạt động giám sát, phản biện xã hội, chưa coi trọng quyền giám sát, phản biện của chính mình, dẫn đến hoạt động giám sát, phản biện chỉ gói gọn trong chương trình làm việc của Mặt trận Tổ quốc, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp các tổ chức thành viên; hoạt động giám sát có lúc còn có biểu hiện ngại va chạm.

Thứ hai, khung pháp luật về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên hiện còn thiếu nhiều nội dung cần thiết, trong khi một số quy định còn ở mức nguyên tắc, chưa được hướng dẫn chi tiết, khiến cho việc áp dụng, tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

Còn tồn tại khoảng trống về phạm vi và thẩm quyền: Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ghi nhận chức năng "giám sát, phản biện xã hội" của Mặt trận Tổ quốc nhưng chưa xác định rõ phạm vi, đối tượng, giới hạn và thẩm quyền giám sát, phản biện theo từng lĩnh vực (lập pháp, hành pháp, tư pháp; tài chính - ngân sách; quy hoạch - đất đai; dịch vụ công cơ bản..), dẫn đến tình trạng ở mỗi địa phương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có cách hiểu và vận dụng khác nhau. Vị thế pháp lý và tư cách tham gia giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc trong các quy trình trọng yếu (xây dựng văn bản quy phạm, lập - thẩm định dự án đầu tư công, quyết định chủ trương quy hoạch…) chưa được luật hóa như một chủ thể có quyền tham vấn bắt buộc, dẫn đến tình trạng phản biện diễn ra muộn (cuối quy trình) và mất tính thời sự ("đúng thời điểm").

Pháp luật chưa quy định quy trình thống nhất về lập kế hoạch, lựa chọn chủ đề, thu thập bằng chứng, phương pháp đánh giá tác động, chuẩn hóa báo cáo, mốc thời hạn phản hồi bắt buộc của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị giám sát và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc. Bên cạnh đó, việc thiếu chuẩn dữ liệu và cơ chế truy cập thông tin của các cơ quan nhà nước cũng làm giảm chất lượng bằng chứng và tính thuyết phục của hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam[22].

Thứ ba, mặc dù Hiến pháp đã hiến định vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước, song việc bảo đảm nguồn lực cán bộ và tài chính cho hoạt động này của Mặt trận Tổ quốc chưa được coi trọng. Cơ chế tài chính hiện hành chưa bảo đảm để của Mặt trận Tổ quốc thực hiện hoạt động giám sát, phản biện chủ động, thường xuyên. Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc có phạm vi rộng, yêu cầu cao, đòi hỏi phải có cán bộ am hiểu nhiều lĩnh vực, trong khi nguồn lực con người có hạn. Khi chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp, số lượng cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã còn thiếu, trong khi địa bàn rộng lớn hơn trước, một số đơn vị hành chính mật độ dân số đông, càng làm khó khăn về nguồn nhân lực cho hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc.

Giải pháp tăng cường vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp là rất cần thiết, cần tập trung thực hiện qua các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục củng cố cơ sở hiến định về kiểm soát quyền lực nhà nước

Xét về mặt vĩ mô, trong bối cảnh Hiến pháp tiếp tục được hoàn thiện, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung một điều khoản về "kiểm soát quyền lực" vào Chương I của Hiến pháp để bảo đảm cơ chế bảo đảm quyền lực nhà nước được vận hành hiệu quả hơn. Hiện tại, mặc dù đã có quy định về việc kiểm soát của các cơ quan trung ương trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2), song Hiến pháp năm 2013 chưa có một điều khoản riêng về kiểm soát quyền lực nhà nước. Việc bổ sung một điều khoản riêng về kiểm soát quyền lực vào Hiến pháp mang ý nghĩa về phương diện lập hiến và là cơ sở cho toàn bộ hệ thống pháp luật cụ thể hóa các thiết chế kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội. Ngoài những khía cạnh khác, nội dung của điều khoản bổ sung Hiến pháp về "kiểm soát quyền lực" nên khẳng định: "Quyền lực nhà nước phải được kiểm soát chặt chẽ bằng các cơ chế bên trong và bên ngoài bộ máy nhà nước".

Thứ hai, tiếp tục củng cố vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc

Điều 9 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã hiến định quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, để bảo đảm Mặt trận Tổ quốc có thể thực hiện tốt vai trò đó, các luật chuyên ngành cần quy định rõ quyền giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc là một loại hình quyền lực kiểm soát riêng, có tính chất hiến định, đồng thời bổ sung nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc trả lời, giải trình và chịu trách nhiệm trước kiến nghị giám sát và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc. Bên cạnh đó, các luật chuyên ngành cần quy định Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có quyền yêu cầu tạm đình chỉ những quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Thứ ba, củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước địa phương theo chiều ngang

Trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương vận hành theo mô hình hai cấp, việc phân quyền mạnh hơn cho địa phương đang đi đôi với yêu cầu cấp thiết về thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả theo phương châm: "Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Thực chất nội dung này đòi hỏi củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo chiều ngang, bởi nếu cơ chế này yếu, nguy cơ lạm dụng quyền lực ở địa phương rất dễ xảy ra, đặc biệt khi ủy ban nhân dân vừa là cơ quan quản lý hành chính, vừa trực tiếp điều hành các vấn đề về tài chính, công tác cán bộ, đầu tư công, dịch vụ công...

Để củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực theo chiều ngang, cần nâng cao vai trò và năng lực của hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Điều này đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành theo hướng quy định cụ thể hơn về cơ cấu tổ chức của Mặt trận và các đoàn thể xã hội tương ứng theo từng cấp chính quyền (tỉnh, xã), cũng như làm rõ cơ chế phối hợp, tham gia kiểm tra, giám sát, phản biện đối với hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân để lấp những khoảng trống thể chế trong giám sát quyền lực. Bổ sung cơ chế cho phép các tổ chức thực hiện quyền kiến nghị bắt buộc chính quyền địa phương phải lấy ý kiến của cử tri trong quá trình xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách liên quan đến quyền lợi của nhân dân.

Thứ tư, tăng cường năng lực cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp địa phương

Cần ban hành một luật riêng về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên nhằm cụ thể hóa các nguyên tắc được ghi nhận trong các nghị quyết của Bộ Chính trị, trong Hiến pháp và Luật Mặt trận Tổ quốc hiện hành. Luật cần quy định rõ các chủ thể được trao quyền giám sát, phạm vi và hình thức giám sát, quy trình phản biện, trách nhiệm giải trình bắt buộc của các cơ quan nhà nước. Việc luật hóa sẽ khắc phục những hạn chế của tình trạng hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc hiện nay.

Cần nâng cao năng lực thực thi và chuyên môn hóa hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại cấp cơ sở. Trong thực tiễn, phần lớn cán bộ Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tại xã, phường hiện nay thiếu kỹ năng chuyên môn, thiếu công cụ hỗ trợ và không được đào tạo bài bản về kỹ năng giám sát, phản biện, nhất là giám sát trong lĩnh vực hành chính công. Vì vậy, cần bố trí thêm cán bộ cho khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách làm công tác giám sát và phản biện xã hội. Cần thiết lập cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các thiết chế giám sát khác trong hệ thống chính trị, như thanh tra nhà nước, kiểm toán nhà nước, hội đồng nhân dân các cấp và xây dựng các chương trình giám sát liên ngành, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm, như sử dụng ngân sách, đầu tư công, đất đai, quy hoạch, xây dựng...

Tăng cường việc ứng dụng công nghệ số trong công tác giám sát và phản biện xã hội. Điều này đòi hỏi cần xây dựng các nền tảng trực tuyến để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, cập nhật kết quả giám sát, tình trạng giải quyết, phản hồi của cơ quan nhà nước, thiết lập bản đồ tương tác vấn đề dân sinh nhằm góp phần minh bạch hóa toàn bộ chu trình kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội.

Cần có cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước hợp lý cho các hoạt động giám sát, phản biện xã hội tại cơ sở, gắn với trách nhiệm giải trình, tránh tình trạng "giám sát phụ thuộc vào đối tượng bị giám sát". Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc được trao quyền đánh giá, đề xuất xử lý trách nhiệm đối với những tập thể, cá nhân không hợp tác, không giải trình hoặc cố tình né tránh phản hồi kiến nghị giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp là bước đi quan trọng trong cải cách thể chế, góp phần tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước. Trong bối cảnh đó, phải củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống cơ quan nhà nước, đặc biệt là nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Để bảo đảm kiểm soát quyền lực thực chất, ngoài việc hiến định vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cần ban hành Luật Giám sát và Phản biện xã hội. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực cán bộ và ứng dụng công nghệ trong giám sát, phản biện xã hội. Khi thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực hài hòa giữa Nhà nước và xã hội sẽ góp phần giúp mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nguyễn Phạm Duy Trang - Nguyễn Minh Sơn

Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Phó Bí thư Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh

---

(1) Max Weber (Guenther Roth và Claus Wittich dịch): *Economy and Society* (Tạm dịch: Kinh tế và Xã hội), University of California Press, Berkeley, 1978, tr. 53-54

(2) Robert A. Dahl: *Modern Political Analysis* (Tạm dịch: Phân tích chính trị hiện đại), 7th ed. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 2003, tr. 34-36

(3) Xem: Nguyễn Đăng Dung: *Quyền lực nhà nước và cơ chế kiểm soát quyền lực ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019, tr. 22-24

(4) Joseph Nye: *The Future of Power* (Tạm dịch: Tương lai của quyền lực), PublicAffairs, New York, 2011, tr. 56

(5) Xem: Trần Ngọc Đường: "Kiểm soát quyền lực nhà nước - Một yêu cầu khách quan trong xây dựng Nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp,* 12 (2020), tr. 3-9

(6) Jon Pierre and B. Guy Peters: *Governance, Politics and the State* (Tạm dịch: Quản trị, chính trị và nhà nước), Palgrave Macmillan, London, 2000, tr. 14-15

(7) Mark Bevir: *A Theory of Governance* (Tạm dịch: Lý thuyết về quản trị), University of California Press, Berkeley, 2013, tr. 61-64

(8) Xem: Nguyễn Sĩ Dũng: "Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Cộng sản,* 3 (2016), tr. 18-25

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.187

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 233-235

(11) Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam: *Báo cáo giám sát và phản biện xã hội giai đoạn 2018 - 2023,* Hà Nội, 2024

(12) Xem: Nguyễn Hữu Dũng: "Tổ chức chính quyền địa phương hai cấp: Cơ hội và thách thức", *Tạp chí Quản lý Nhà nước,* 10 (2024), tr. 21-29

(13) Bộ Chính trị: Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013, ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam,* https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quyet-dinh-so-217-qdtw-ngay-12122013-cua-bo-chinh-tri-ban-hanh-quy-che-giam-sat-va-phan-bien-xa-hoi-cua-mat-tran-to-178

(14) Bộ Chính trị: Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013, ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, *Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam,* https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quyet-dinh-218-qdtw-ngay-12122013-cua-bo-chinh-tri-ban-hanh-quy-dinh-ve-viec-mat-tran-to-quoc-viet-nam-cac-doan-the-chinh-237

(15) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tlđd, tr. 233 - 235

(16) Xem: OECD: *Open Government Review: Enhancing Civic Participation and Accountability* (Tạm dịch: Đánh giá Chính phủ mở: Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm giải trình của công dân), OECD Publishing, Paris, 2022, 44 - 47

(17), (18), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Báo cáo số 43/BC-MTTQ-BTT, ngày 25/01/2025, về "Kết quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội năm 2024"
(19) Xem: Ban Bí thư Trung ương Đoàn: Báo cáo về tình hình triển khai Đề án "Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2023 - 2027" và Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc tăng cường triển khai mô hình "Hội đồng trẻ em" giai đoạn 2023 - 2027

(20) Xem: Hội đồng Đội Trung ương: Báo cáo về tổng kết công tác Đội và phong trào thiếu nhi các năm 2023, 2024

(21) Xem: Ban Bí thư Trung ương Đoàn: Báo cáo về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi các năm học 2023 - 2024 và năm 2024 - 2025

(22) OECD: *Open Government Review: Enhancing Civic Participation and Accountability* (Tạm dịch: Đánh giá Chính phủ mở: Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm giải trình của công dân), OECD Publishing, Paris, 2022, 44 - 47

TĂNG TRƯỞNG 10% TRỞ LÊN VÀ TƯ DUY PHÁT TRIỂN MỚI

Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa XIV của Tổng Bí thư Tô Lâm không chỉ khép lại một hội nghị, mà còn gợi mở một cách tiếp cận mới về đường hướng phát triển. Ở đó, mục tiêu tăng trưởng hai con số không được đặt ra như một sức ép chỉ tiêu đơn thuần, mà được đặt trong một chỉnh thể rộng hơn: nền tảng chính trị vững, thể chế tốt hơn, quản trị hiện đại hơn, bộ máy hiệu quả hơn và năng lực quốc gia mạnh hơn.

Tăng trưởng hai con số: Không chỉ là câu chuyện của kinh tế

Điểm rất đáng chú ý trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai là cách Tổng Bí thư Tô Lâm không tách tăng trưởng ra thành một câu chuyện riêng của kinh tế, càng không xem đó chỉ là nhiệm vụ của Chính phủ hay của các bộ ngành làm kinh tế. Tổng Bí thư Tô Lâm bắt đầu từ công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, từ yêu cầu kiên định nền tảng, kiên định đường lối đổi mới, kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, rồi từ đó mới chuyển sang mục tiêu tăng trưởng hai con số và những đòi hỏi cải cách về quản trị, bộ máy, phân quyền, kiểm soát quyền lực. Cách đặt vấn đề ấy cho thấy một thông điệp rất rõ: muốn đi nhanh hơn thì trước hết tư thế phải vững hơn.

Nói như vậy để thấy rằng, tăng trưởng cao không thể chỉ được hiểu là huy động thêm vốn, mở thêm dự án, đẩy mạnh thêm đầu tư công hay tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu. Tất cả những việc ấy đều quan trọng, nhưng ở tầng sâu hơn, tăng trưởng là kết quả tổng hợp của chất lượng lãnh đạo, của độ ổn định về chính trị, của sự rõ ràng về đường hướng, của năng lực tổ chức thực hiện và của niềm tin xã hội. Nếu nền tảng ấy không vững, thì ngay cả khi tăng trưởng có thể đạt được trong ngắn hạn, nó cũng khó bền, khó lan tỏa và càng khó chuyển hóa thành sức mạnh dài hạn của quốc gia.

Chính ở điểm này, phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm cho thấy một chuyển động rất đáng chú ý trong tư duy phát triển. Trong nhiều năm, chúng ta thường bàn nhiều về "động lực tăng trưởng", nhưng ít khi đặt câu hỏi đủ sâu về "nền của tăng trưởng". Phát biểu lần này gợi ra một cách nhìn khác: nền chính trị- tư tưởng, nền thể chế và nền quản trị không đứng ngoài tăng trưởng, mà chính là điều kiện để tăng trưởng diễn ra một cách bền vững và có chất lượng. Muốn đi nhanh mà không lạc hướng, trước hết phải có một điểm tựa đủ vững. Và "Bốn kiên định" trong phát biểu bế mạc không chỉ mang ý nghĩa chính trị, mà còn chính là thiết kế của điểm tựa đó.

Vì vậy, điều mới không nằm ở chỗ chúng ta nêu ra một mục tiêu cao hơn, mà ở chỗ mục tiêu ấy được đặt vào đúng vị trí của nó: là hệ quả của một mô hình phát triển được thiết kế tốt hơn, chứ không phải sản phẩm của tư duy nóng vội. Tăng trưởng, nhìn theo tinh thần phát biểu này, không phải là cuộc chạy đua về tốc độ đơn thuần. Đó là một bài toán về quản trị quốc gia.

Tăng trưởng có nguyên tắc

Trong bài phát biểu bế mạc, Tổng Bí thư Tô Lâm nói rất rõ: "Chúng ta không chấp nhận tăng trưởng thấp", đồng thời nhấn mạnh phải kiên trì mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, thực chất. Nhưng điều làm nên chiều sâu của thông điệp không chỉ nằm ở mệnh đề quyết tâm ấy. Điều quan trọng hơn là ngay sau đó, ông đặt ra bốn nguyên tắc cốt lõi: tăng trưởng phải thực chất; phải giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; phải sử dụng hiệu quả các nguồn lực; và phải bảo đảm thành quả tăng trưởng phục vụ lợi ích của nhân dân, gắn với công bằng xã hội.

Đây có thể xem là phần "định nghĩa lại" hoặc mở rộng khái niệm tăng trưởng cao, bền vững. Bởi lẽ, tăng trưởng 10% trở lên tự nó không nói lên điều gì nếu không trả lời được những câu hỏi căn cốt: tăng trưởng bằng gì, tăng trưởng như thế nào, tăng trưởng có thực chất hay không, tăng trưởng có làm xói mòn nền tảng tương lai hay không, và thành quả tăng trưởng cuối cùng có nâng cao đời sống người dân hay không. Chính vì thế, khi phát biểu nhấn mạnh rằng mỗi phần trăm tăng trưởng GDP phải chứa đựng hàm lượng tri thức và giá trị gia tăng cao hơn, đó không còn là câu chuyện của tăng trưởng theo chiều rộng. Đó là lời hiệu triệu cho một mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất, tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều này rất quan trọng đối với giai đoạn hiện nay. Bởi nếu vẫn phát triển theo quán tính cũ, vẫn dựa nhiều vào mở rộng đầu vào, khai thác tài nguyên, tăng vốn đầu tư nhưng hiệu quả thấp, gia công với giá trị gia tăng mỏng, thì rất khó có thể duy trì tốc độ cao trong thời gian dài. Mục tiêu hai con số, nếu có ý nghĩa thực sự, phải đi cùng một sự thay đổi về chất của mô hình tăng trưởng. Nói cách khác, bài toán không nằm ở con số, mà nằm ở cấu trúc tạo ra con số ấy.

Cũng vì vậy, phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm đặt ra một yêu cầu rất tỉnh táo: kiên quyết loại bỏ tư duy chạy theo thành tích. Đây là một nhắc nhở rất đáng suy ngẫm. Trong lịch sử phát triển của nhiều quốc gia, những giai đoạn tăng trưởng nóng nhưng kém chất lượng thường để lại cái giá rất đắt: bong bóng tài sản, nợ xấu, lãng phí nguồn lực, ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng xã hội, và quan trọng hơn là sự suy yếu của niềm tin thể chếvà chính nền tảng phát triển sẽ bị bào mòn từ bên trong.

Bởi vậy, chiều sâu của phát biểu bế mạc lần này nằm ở chỗ mục tiêu cao được đặt trong một khuôn khổ có kỷ luật. Tăng trưởng 10% trở lên không được tách khỏi ổn định vĩ mô. Hai con số không được tách khỏi hiệu quả phân bổ nguồn lực. Hai con số không được tách khỏi công bằng xã hội. Và đặc biệt, hai con số không được tách khỏi yêu cầu sớm xây dựng một nghị quyết về mô hình phát triển đất nước trong giai đoạn mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổng Bí thư Tô Lâm không nhìn tăng trưởng như một cú bứt phá cơ học của mô hình cũ, mà như kết quả của một mô hình mới. Tăng trưởng hai con số chỉ khả thi khi được nâng đỡ bởi một tư duy phát triển mới.

Tư duy phát triển mới: Bắt đầu từ thể chế và quản trị

Nếu phần về tăng trưởng cho thấy cái đích, thì phần về mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và kiểm soát quyền lực cho thấy con đường để đi tới cái đích ấy. Đây cũng là phần rất "đắt" trong phát biểu bế mạc, bởi nó hé lộ một nhận thức ngày càng rõ của Trung ương: phát triển nhanh và bền vững không thể được tạo ra bởi một bộ máy chỉ biết quản lý sự vụ; nó đòi hỏi một bộ máy biết kiến tạo với tầm nhìn chiến lược, biết phục vụ, biết giải quyết vấn đề nhanh và biết chịu trách nhiệm.

Tổng Bí thư Tô Lâm gọi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp không chỉ là mô hình tổ chức hành chính mới, mà là "phương thức quản trị địa phương mới". Câu này rất đáng chú ý, vì nó chuyển trọng tâm từ "sắp xếp lại bộ máy" sang "thiết kế lại cách vận hành". Nếu chỉ dừng ở việc bỏ tầng nấc trung gian, sáp nhập đầu mối, tinh giản hình thức mà không đồng thời đổi mới cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền; không thiết kế lại quy trình xử lý công việc; không chuẩn hóa dữ liệu; không làm rõ trách nhiệm người đứng đầu; không chuyển mạnh từ hành chính quản lý sang hành chính phục vụ, thì hiệu quả cải cách sẽ rất hạn chế.

Nói cách khác, một bộ máy gọn hơn chưa chắc đã tốt hơn; chỉ khi vận hành tốt hơn thì cải cách mới có ý nghĩa. Tư duy phát triển mới, nhìn theo tinh thần bài phát biểu, là tư duy hiểu rằng bộ máy nhà nước không chỉ có chức năng quản lý trật tự, mà còn phải trở thành nền tảng tổ chức cho phát triển. Một chính quyền địa phương tốt không phải là chính quyền ít đầu mối hơn trên giấy tờ, mà là chính quyền giải quyết công việc nhanh hơn, minh bạch hơn, phối hợp tốt hơn và làm cho người dân, doanh nghiệp hài lòng hơn trong thực tế. Không phải ngẫu nhiên mà phát biểu nhấn mạnh lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo thực chất, là tiêu chí cuối cùng để đánh giá thành công của mô hình này.

Đi cùng với đó là một tư duy rất đáng chú ý về phân quyền: giao quyền phải đi liền với giao nguồn lực, với nâng cao năng lực và với công cụ kiểm soát phù hợp. Đây là một nguyên tắc quản trị hiện đại. Bởi không thể giao thêm việc cho cấp xã mà không giao tương xứng về cơ chế, biên chế, ngân sách, dữ liệu, hạ tầng số và năng lực tổ chức thực hiện. Phát biểu lần này đã chỉ ra khá rõ nguyên tắc "giao quyền đến đâu, bảo đảm nguồn lực đến đó; phân cấp đến đâu, kiểm soát chặt chẽ đến đó; trao nhiệm vụ đến đâu, nâng cao năng lực tương ứng đến đó". Đó không chỉ là nguyên tắc của cải cách hành chính; đó là kim chỉ nam cho hành động, là nguyên tắc của phát triển có trách nhiệm.

Một chiều cạnh quan trọng khác là phần nói về kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Ở đây, điều sắc sảo của phát biểu là đặt yêu cầu này trong tổng thể phát triển nhanh và bền vững. Nghĩa là chống tham nhũng, lãng phí không chỉ để làm trong sạch bộ máy theo nghĩa đạo đức, mà còn để giải phóng nguồn lực, bảo vệ kỷ cương phát triển và tạo dựng niềm tin cho xã hội. Nhưng phát biểu cũng đồng thời nhấn mạnh phải có cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phải phân biệt rõ ranh giới giữa vụ lợi và sai sót trong quá trình thử nghiệm, đổi mới. Chính ở điểm này, có thể thấy một tư duy quản trị rủi ro phát triển đang định hình: kỷ luật quyền lực và bảo vệ đổi mới không loại trừ nhau, mà phải song hành.

Một quốc gia không thể bứt tốc nếu bộ máy không dám làm. Nhưng cũng không thể đi xa nếu quyền lực không được kiểm soát. Ghép hai mệnh đề ấy lại, ta có thể thấy tinh thần rất sâu sắc của phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 2: tăng trưởng hai con số không phải là câu chuyện riêng của kinh tế, mà là bài toán tổng hợp của thể chế, quản trị, năng lực thực thi và bản lĩnh quốc gia.

Kết lại, điều đáng chú ý nhất trong phát biểu bế mạc không chỉ là quyết tâm tăng trưởng hai con số. Điều đáng chú ý hơn là cách mục tiêu ấy được đặt vào một chỉnh thể mới: nền tảng chính trị vững hơn, mô hình tăng trưởng chất lượng hơn, bộ máy địa phương vận hành hiện đại hơn, quyền lực được kiểm soát tốt hơn và quốc gia có năng lực tự chủ mạnh hơn. Khi tư duy phát triển thay đổi ở cấp độ đó, tăng trưởng 10% trở lên không còn là một khẩu hiệu. Nó trở thành một khả năng có thể được kiến tạo bằng cải cách, bằng hành động và bằng chất lượng của cả hệ thống.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - Nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 2: NHỮNG QUYẾT SÁCH NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (từ ngày 23 đến ngày 25/3/3026) đã thông qua Chương trình làm việc cho toàn khóa, đó là xác định cụ thể những nội dung mới, cốt lõi, chiến lược, mở đường cần được cụ thể hóa để phát triển và ổn định đất nước, trong đó có lưu ý tới việc nâng cao năng suất quốc gia.

Năng suất quốc gia của chúng ta đang ở đâu so với khu vực và vì sao vấn đề này được đặc biệt nhấn mạnh trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương?

Năng suất quốc gia là thước đo hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực (lao động, vốn, tài nguyên) để tạo ra tổng sản phẩm quốc nội (GDP) - nhân tố cốt lõi quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững, năng lực cạnh tranh quốc gia và mức sống của người dân.

Năng suất quốc gia được tính bằng GDP chia cho tổng số giờ làm việc hoặc tổng số lao động và chịu ảnh hưởng của công nghệ, kỹ năng lao động, thể chế chính sách và đổi mới sáng tạo. Việt Nam muốn nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đạt tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số thì không thể không tăng năng suất quốc gia mà cụ thể là năng suất lao động.

Tại Việt Nam, năng suất lao động tính theo giá thực tế chung của toàn nền kinh tế vào năm 2021 là suýt soát 173 triệu đồng/người, đến năm 2025 đã tăng lên 240 triệu đồng/người. Quy đổi ra USD theo sức mua tương đương thì năm 2021 đạt hơn 22.000 USD/người, đứng

thứ 7 trong khu vực Đông Nam Á, đến năm 2024 con số này là 25.850 USD/người, vươn lên vị trí thứ 6.

Năng suất lao động của Việt Nam liên tục tăng lên qua các năm - năm 2021 tăng 4,56%, năm 2022 tăng 5,25%, năm 2023 tăng 3,66%, năm 2024 tăng 5,77% và năm 2025 tăng 4,65%. Điều này thể hiện sự cải thiện về trình độ, năng lực của người lao động nước ta dù so với mức chung của khu vực vẫn còn thấp, chỉ bằng khoảng 11% của Singapore, 26% của Malaysia và 40% của Thái Lan.

Phải hiểu kỹ căn nguyên "điểm nghẽn" năng suất lao động ở Việt Nam thì mới tìm ra giải pháp để khai thông. Bên cạnh xuất phát điểm thấp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm - các ngành công nghiệp, dịch vụ, nhất là những ngành dịch vụ mang tính chất động lực hay huyết mạch của nền kinh tế như tài chính, ngân hàng, du lịch của nước ta chiếm tỷ trọng thấp. Người lao động của nước ta chủ yếu làm việc trong khu vực kinh tế có năng suất lao động không cao. Các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm khoảng 37,7% lao động của cả nước nhưng chỉ tạo ra 14,7% GDP.

Phần lớn doanh nghiệp nước ta là doanh nghiệp tư nhân, quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực về vốn hạn hẹp, nhiều doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu, tụt hậu 2-3 thế hệ so với mức trung bình của thế giới.

Chất lượng nguồn nhân lực trong nước còn hạn chế, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, cơ cấu đào tạo thiếu hợp lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao, khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động còn lớn. Một bộ phận lớn người lao động chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp, người lao động thiếu các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, thiếu khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến. Trình độ tổ chức, quản lý và hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn bất cập. Tăng trưởng kinh tế ở nước ta chủ yếu dựa vào đóng góp của vốn và sức lao động. Năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp còn hạn chế.

Năng suất lao động thấp dẫn đến năng lực cạnh tranh quốc gia cũng thấp trong khi quốc gia có năng suất cao thì việc sử dụng nguồn lực đạt hiệu quả hơn, tạo ra sản phẩm chất lượng tốt hơn với chi phí thấp hơn.

Năng suất lao động cao góp phần vào việc tăng trưởng bền vững - không chỉ tăng vốn hay tăng lao động đơn thuần, việc nâng cao năng suất là chìa khóa cho sự phát triển dài hạn.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác lập khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính thúc đẩy phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia và nâng cao năng lực tự cường, tự chủ của đất nước.

Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng suất lao động cần được tiếp cận như một chiến lược tổng thể quốc gia: hoàn thiện khung thể chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm trung tâm; tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học - công nghệ; cải cách hành chính.

Chính vì thế mà từ "sáu nhiệm vụ trọng tâm" và "ba đột phá chiến lược" tại Đại hội XIV cho đến Chương trình làm việc của Ban Chấp hành trung ương khóa mới đều nhấn mạnh tới các giải pháp cần thiết để tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong ba đột phá chiến lược có khâu đột phá thứ hai: Nguồn nhân lực - Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, chú trọng giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Nguồn nhân lực là nhân tố quyết định và ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng năng suất lao động thông qua chất lượng, trình độ chuyên môn, kỹ năng, thể lực và thái độ làm việc. Nhân lực chất lượng cao giúp tối ưu hóa quy trình, áp dụng công nghệ mới và nâng cao hiệu quả quản lý, từ đó gia tăng giá trị tạo ra.

Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao giúp thực hiện công việc nhanh hơn, chính xác hơn và sáng tạo hơn. Nhân lực khỏe mạnh giúp duy trì sự liên tục trong sản xuất, giảm thiểu rủi ro, gián tiếp nâng cao năng suất lao động. Tư duy quản lý, thái độ làm việc kỷ luật, sự tận tâm và khả năng thích ứng cao sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực có hạn. Nguồn nhân lực chất lượng cao dễ dàng tiếp cận, vận hành và làm chủ công nghệ hiện đại, công cụ sản xuất mới, từ đó tạo ra bước nhảy vọt về năng suất.

Ở nước ta hiện nay chất lượng nguồn nhân lực vẫn là rào cản lớn nhất kìm hãm năng suất lao động, bởi vậy cần thay đổi tư duy quản lý, đầu tư đào tạo và giữ chân người lao động thông qua tiền lương, phúc lợi phù hợp.

Còn nhiệm vụ thứ hai trong "sáu nhiệm vụ trọng tâm" để phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam là đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong đó, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số là quá trình thay đổi tổng thể, toàn diện phương thức hoạt động kinh tế - xã hội dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, nhằm bứt phá năng suất lao động, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát triển kinh tế số là ứng dụng công nghệ số (AI, IoT, Cloud,...) và dữ liệu số trong tất cả các ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) để tối ưu hóa quy trình, tăng năng suất và tạo ra các giá trị gia tăng mới.

Chuyển đổi số quốc gia (toàn dân, toàn diện, toàn trình) là tái cấu trúc, thay đổi phương thức hoạt động của Chính phủ (chính phủ số), cộng đồng (xã hội số) và doanh nghiệp. Nâng cao năng lực cạnh tranh là thúc đẩy đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ chiến lược (Make in Vietnam), xây dựng hạ tầng số đồng bộ và phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao.

Điều này lý giải vì sao nâng cao năng lực cạnh tranh là một trong những vấn đề cốt lõi trong Chương trình làm việc mà Trung ương tập trung bàn tại Hội nghị lần thứ hai và đề ra quyết sách nhằm cụ thể hóa Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Nguồn: baotintuc.vn

CHUYỂN DỊCH CĂN BẢN TƯ DUY ĐÁNH GIÁ TỪ "NỘI BỘ HỆ THỐNG" SANG "TRẢI NGHIỆM CỦA XÃ HỘI"

Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai, khóa XIV, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp là tiêu chí cuối cùng. Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hải Phòng khóa XV Nguyễn Thị Việt Nga cho rằng, đây chính là sự chuyển dịch rất căn bản về tư duy đánh giá: từ "quản lý" sang "phục vụ", từ "nội bộ hệ thống" sang "trải nghiệm của xã hội".

Lấy người dân làm trung tâm - thước đo của mọi cải cách

Trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai, khóa XIV, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh phải lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo thực chất, là tiêu chí cuối cùng để đánh giá thành công của mô hình. Theo đại biểu, quan điểm này có ý nghĩa như thế nào?

- Đây là định hướng rất quan trọng, thể hiện rõ tư duy quản trị hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của mọi cải cách thể chế. Trước đây, khi đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, chúng ta thường dựa nhiều vào các tiêu chí nội tại như: hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, tỷ lệ giải ngân, số lượng văn bản ban hành… Những chỉ số này là cần thiết, nhưng chưa đủ, bởi chúng chưa phản ánh đầy đủ chất lượng phục vụ và mức độ thụ hưởng thực sự của người dân.

Việc Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh "sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp" là tiêu chí cuối cùng chính là sự chuyển dịch rất căn bản về tư duy đánh giá: từ "quản lý" sang "phục vụ", từ "nội bộ hệ thống" sang "trải nghiệm của xã hội". Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chúng ta đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp - một mô hình hướng tới tinh gọn bộ máy, tăng tính tự chủ, linh hoạt và hiệu quả trong quản trị.

Ở góc độ thực tiễn, nếu không đặt người dân và doanh nghiệp làm trung tâm thì nguy cơ lớn nhất là bộ máy dù có tinh giản nhưng chưa chắc đã hiệu quả hơn. Ngược lại, khi coi sự hài lòng là thước đo cuối cùng, thì mọi quyết sách, mọi quy trình đều phải được thiết kế lại theo hướng thuận tiện, minh bạch, dễ tiếp cận và giảm chi phí cho xã hội. Đây cũng chính là cách để kiểm chứng khách quan nhất hiệu quả cải cách, bởi người dân và doanh nghiệp là những "người sử dụng dịch vụ công" trực tiếp.

Để hiện thực hóa quan điểm trên, theo đại biểu cần phải có những biện pháp cụ thể gì?

- Theo tôi, cần có hệ thống đo lường cụ thể, minh bạch và thường xuyên, không chỉ dừng lại ở các khảo sát hình thức. Các chỉ số như: mức độ hài lòng, chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục, mức độ tiếp cận dịch vụ công… cần được số hóa, công khai và gắn với trách nhiệm giải trình của từng cấp chính quyền. Khi đó, sự hài lòng của người dân không chỉ là một khẩu hiệu, mà thực sự trở thành "áp lực tích cực" buộc bộ máy phải vận hành hiệu quả hơn.

Tăng trưởng phải vì con người - điều kiện để phát triển bền vững

Về mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, một trong những nguyên tắc cốt lõi được Tổng Bí thư chỉ ra là tăng trưởng kinh tế cao phải đảm bảo phục vụ lợi ích, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và công bằng xã hội. Đại biểu nhìn nhận như thế nào về tầm quan trọng của nguyên tắc này?

- Đây là một nguyên tắc mang tính định hướng chiến lược, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang đặt ra mục tiêu tăng trưởng cao ngay từ đầu nhiệm kỳ. Bởi lẽ, tăng trưởng kinh tế nếu không gắn với nâng cao đời sống Nhân dân thì sẽ không còn là mục tiêu phát triển, mà chỉ là con số thuần túy.

Thực tiễn quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao trong một giai đoạn nhất định, nhưng nếu không kiểm soát tốt các yếu tố như phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, chất lượng môi trường sống, thì những thành quả đó không bền vững, thậm chí còn gây ra những hệ lụy lâu dài. Do đó, việc Tổng Bí thư nhấn mạnh nguyên tắc "tăng trưởng phải phục vụ con người" là một sự định vị rất rõ ràng về chất lượng tăng trưởng mà chúng ta hướng tới.

Ở Việt Nam, điều này càng có ý nghĩa sâu sắc, bởi mục tiêu xuyên suốt của Đảng ta luôn là phát triển vì con người, không để ai bị bỏ lại phía sau. Tăng trưởng kinh tế phải đi cùng với mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế, an sinh xã hội; phải tạo thêm việc làm bền vững; phải nâng cao thu nhập thực chất cho người lao động; và phải đảm bảo môi trường sống ngày càng tốt hơn. Nếu chỉ tập trung vào tăng trưởng GDP mà bỏ qua những yếu tố này, thì khoảng cách giữa tăng trưởng và phát triển sẽ ngày càng lớn.

Một điểm rất đáng chú ý là nguyên tắc này cũng đặt ra yêu cầu về công bằng xã hội trong quá trình phát triển. Công bằng ở đây không phải là chia đều, mà là tạo cơ hội công bằng để mọi người đều có thể tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng. Điều đó đòi hỏi hệ thống chính sách phải được thiết kế theo hướng bao trùm, đặc biệt quan tâm đến các nhóm yếu thế, vùng khó khăn, và những người dễ bị tổn thương trong quá trình chuyển đổi kinh tế.

Tôi cho rằng, trong thời gian tới, để hiện thực hóa nguyên tắc này, cần đồng bộ nhiều giải pháp: từ cải cách chính sách tiền lương, phát triển hệ thống an sinh xã hội, đến đầu tư cho giáo dục đào tạo và y tế, cũng như hoàn thiện thể chế để phân bổ nguồn lực công bằng, hiệu quả hơn. Chỉ khi người dân thực sự cảm nhận được đời sống được cải thiện, thì tăng trưởng kinh tế mới có ý nghĩa trọn vẹn.

Trong bối cảnh Quốc hội chuẩn bị bước sang nhiệm kỳ mới, theo đại biểu, mỗi đại biểu Quốc hội cần làm gì để thực hiện lời hứa với Nhân dân, qua đó góp phần hiện thực hóa những mục tiêu Đại hội XIV của Đảng đã đề ra?

- Theo tôi, điều quan trọng nhất đối với mỗi đại biểu Quốc hội là phải biến lời hứa thành hành động cụ thể, có thể đo đếm được và có trách nhiệm giải trình rõ ràng. Niềm tin của cử tri không chỉ được xây dựng bằng những cam kết trong chương trình hành động, mà quan trọng hơn là bằng những kết quả thực tế trong suốt nhiệm kỳ.

Trước hết, mỗi đại biểu cần giữ vững mối liên hệ chặt chẽ với cử tri, lắng nghe đầy đủ, trung thực các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân. Hoạt động tiếp xúc cử tri không nên chỉ dừng lại ở hình thức định kỳ, mà cần được đa dạng hóa, tận dụng các nền tảng số để tăng tính tương tác, kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh trong đời sống. Khi hiểu đúng, hiểu đủ tâm tư của người dân, đại biểu mới có thể phản ánh chính xác vào nghị trường.

Thứ hai, trong hoạt động lập pháp, mỗi đại biểu cần nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích chính sách, chủ động tham gia vào quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và yêu cầu phát triển nhanh, hệ thống pháp luật phải liên tục được cập nhật, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Đại biểu không chỉ "tham gia biểu quyết", mà cần thực sự đóng góp trí tuệ vào từng dự án luật, từng chính sách cụ thể.

Thứ ba, hoạt động giám sát cần được tăng cường cả về chiều rộng và chiều sâu. Đại biểu phải theo dõi đến cùng việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, môi trường… Giám sát không chỉ để phát hiện hạn chế, mà quan trọng hơn là để thúc đẩy việc khắc phục và tạo ra chuyển biến thực chất.

Cuối cùng, tôi cho rằng mỗi đại biểu cần xây dựng cho mình một "chương trình hành động cá nhân" rõ ràng trong suốt nhiệm kỳ, với những mục tiêu cụ thể gắn với lĩnh vực mình theo đuổi. Khi có mục tiêu rõ ràng, có kế hoạch hành động cụ thể và có cơ chế tự giám sát, thì việc thực hiện lời hứa với Nhân dân sẽ định lượng được rõ ràng.

Trong bối cảnh đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới, với nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, vai trò của Quốc hội và từng đại biểu càng trở nên quan trọng. Tôi tin rằng, nếu mỗi đại biểu đều nỗ lực hết mình, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, thì những mục tiêu lớn mà Đại hội XIV đã đề ra hoàn toàn có thể được hiện thực hóa, góp phần đưa đất nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Nguồn: daibieunhandan.vn

PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

Ngay sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, kinh tế - xã hội nói chung và đô thị nói riêng đã có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng rất tích cực, song cũng vấp phải những thách thức.

Mục tiêu đến năm 2030, đô thị sẽ đóng góp khoảng 85% GDP, với tỷ lệ đô thị hóa đạt 50%. Đây là một bài toán không dễ, đòi hỏi nhận thức đúng đắn về vai trò và cách thức triển khai những giải pháp phát triển đô thị phù hợp ngay từ bây giờ.

Đô thị trong bối cảnh mới

Mô hình chính quyền địa phương hai cấp là cuộc cách mạng trong tiến trình tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong bối cảnh đó, hệ thống đô thị phải được nhìn nhận như những đơn vị kinh tế - xã hội năng động nhất, nơi thực thi các chính sách phát triển một cách trực tiếp và mạnh mẽ.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Kiến trúc sư Nguyễn Vũ Phương, Phó Giám đốc Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng cho rằng, quy mô và vai trò chính của 6 đô thị lớn nhất cả nước ngày càng được khẳng định rõ nét. GRDP của Hà Nội khoảng 63,5 tỷ USD, Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 121 tỷ USD, Hải Phòng khoảng 29,3 tỷ USD, Đà Nẵng khoảng 12,6 tỷ USD, Cần Thơ khoảng 12,3 tỷ USD và Huế khoảng 3,6 tỷ USD. Năng lực của các đô thị này không chỉ thể hiện qua các chỉ số công nghiệp, dịch vụ hàng đầu mà còn đóng vai trò là trung tâm hành chính, cực tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và liên kết vùng, hình thành những trung tâm chính trị, tri thức, kinh tế, tài chính, logistics, công nghiệp văn hóa...

Hiện nay, sự linh hoạt và đa dạng của mô hình đô thị mới đã vượt ra khỏi giới hạn hành chính cứng nhắc của giai đoạn trước, thể hiện rõ tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 (có hiệu lực từ 01/01/2026) quy định về phân loại đô thị.

Đô thị có thể hình thành từ một, hai đơn vị hành chính hoặc có thể trở thành siêu đô thị. Chính sách linh hoạt giúp hình thành ngay những khu vực đô thị, phù hợp với vai trò, thực trạng phát triển, mức độ đô thị hóa, giao thông thuận lợi, hạ tầng đầy đủ mà không cần phải đợi cả một khu vực đô thị hóa mới được công nhận. Thách thức lớn đối với các địa phương là bảo đảm các trung tâm đô thị lớn này vận hành một cách đồng bộ, thông suốt, từ đó cần đổi mới tư duy, quan niệm và thực hiện cho đúng.

Phó Chủ tịch thường trực Hiệp hội Bất động sản Việt Nam Đỗ Viết Chiến phân tích, chính quyền địa phương nay chỉ còn hai cấp, cho nên sự phân cấp, phân quyền cho các đơn vị hành chính (phường, xã) rất lớn, đòi hỏi cần chuẩn bị tốt cả về nguồn lực vật chất và con người. Chính vì vậy, cần nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của đô thị để có các giải pháp phù hợp, trong đó cần tính toán kỹ vai trò, vị trí của từng đô thị trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội.

Theo tinh thần của Kết luận số 212-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị, việc xác định các trung tâm đô thị lớn đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Các đô thị đặc biệt như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ gánh vác sứ mệnh dẫn dắt kinh tế vùng mà còn là đầu mối giao thương quốc tế.

Tuy nhiên, để tăng trưởng hai con số bền vững trên quy mô quốc gia, vai trò của các đô thị cấp hai, cấp ba cần được khơi thông mạnh mẽ. Đây chính là các "cực tăng trưởng vệ tinh", giúp giảm áp lực về hạ tầng và dân số cho các đô thị trung tâm, tạo sức bật kinh tế cho các vùng phụ cận.

Cục trưởng Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) Trần Quốc Thái nhấn mạnh, yêu cầu liên kết giữa các đơn vị hành chính là bắt buộc và cần cùng giám sát lẫn nhau. Mặc dù, Nghị quyết số

111/2025/UBTVQH15 đã yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phân định rõ trách nhiệm, bảo đảm luôn có sự chăm lo đầy đủ hệ thống hạ tầng nhưng đây là vấn đề mới và khó, nhất là trong bối cảnh triển khai chính quyền địa phương hai cấp. Vai trò của cấp tỉnh hiện nay đã khác trước, vừa tổng thể nhưng cũng vừa cụ thể. Trong khi đó, việc phân cấp mạnh cho các phường, xã cũng khiến nhiệm vụ tại các đơn vị này nặng nề hơn; đồng thời, sự thiếu hụt các cơ chế điều phối vùng hiệu quả thường dẫn đến tình trạng "mạnh ai nấy làm", gây lãng phí nguồn lực và chồng chéo trong đầu tư hạ tầng. Do vậy, vấn đề này cần được cấp ủy và chính quyền các cấp chú trọng.

Giảm thiệt hại

Vấn đề cấp bách hiện nay là giảm thiểu thiệt hại mà các đô thị đang phải hứng chịu như tình trạng kẹt xe, ngập úng, ô nhiễm môi trường… - những "căn bệnh" kinh niên của đô thị mà chưa có lời giải xác đáng, làm phát sinh các chi phí không nhỏ, trực tiếp kéo lùi chỉ số tăng trưởng kinh tế và làm giảm năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, và khi hiệu suất di chuyển trong đô thị bị đình trệ, nhịp đập kinh tế cũng chậm lại.

Đáng lưu ý, tác động của biến đổi khí hậu đang trở thành mối đe dọa trực diện và nghiêm trọng với mức độ không ngừng gia tăng. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2020, khoảng 11,8 triệu người dân khu vực ven biển của nước ta đang gặp rủi ro cao do lũ lớn và hơn 35% khu dân cư đang nằm trong vùng có nguy cơ sạt lở. Khu vực ven biển vốn đã đông đúc sẽ phải chịu rủi ro cao hơn. Mỗi năm, ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch và công nghiệp sẽ bị thiệt hại khoảng 852 triệu USD và 316.000 lao động bị mất việc do ảnh hưởng của lũ sông và lũ ven biển. Đồng thời, biến đổi khí hậu được dự báo sẽ làm gia tăng lũ, hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn vốn đã phổ biến ở Việt Nam.

Cùng với hậu quả của quá trình mở rộng đô thị không phù hợp và quản lý sử dụng đất yếu kém, biến đổi khí hậu phức tạp đã khiến ngập lụt đô thị ở nước ta có xu hướng ngày càng gia tăng và trầm trọng hơn. Đơn cử, theo thống kê, lượng mưa trong 2 ngày do cơn bão số 10 tại tỉnh Cao Bằng năm 2025 đã gây thiệt hại khoảng 750 tỷ đồng, bằng 2 tháng thu ngân sách của tỉnh. Hay cơn bão Yagi, siêu bão mạnh nhất trong 30 năm qua tại Biển Đông, gây thiệt hại khủng khiếp về người và tài sản, tàn phá nặng nề cơ sở hạ tầng, nông nghiệp tại các tỉnh miền bắc…

Theo các chuyên gia, nếu không có những giải pháp hữu hiệu, con số thiệt hại hằng năm do biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của đất nước. Do đó, vai trò của chính quyền cần được nâng cao hơn nữa nhằm chống thất thoát, lãng phí, tăng cường tiết kiệm, quản lý đô thị hiệu quả và chặt chẽ hơn để tạo dư địa cho phát triển kinh tế-xã hội.

Để tăng trưởng nhanh, bền vững, các giải pháp giảm thiểu rủi ro phải được đặt ở vị trí trung tâm của quy hoạch, trong đó cần chuyển dịch từ tư duy "chống đỡ" sang tư duy "thích ứng chủ động". Những giải pháp này cần được tính toán như những khoản đầu tư bảo vệ thành quả tăng trưởng. Một đô thị an toàn trước thiên tai, biến đổi khí hậu chính là nền tảng vững chắc cả về vật chất và tinh thần để các thành phần kinh tế yên tâm sinh sống, sản xuất, kinh doanh và đóng góp vào mục tiêu phát triển chung của đất nước.

Nguồn: nhandan.vn

GỠ BỎ "RÀO CẢN ĐỊA GIỚI", NGƯỜI DÂN ĐƯỢC HƯỞNG LỢI TỪ THỦ TỤC LINH HOẠT

Việc "mở" đăng ký hộ tịch không phụ thuộc nơi cư trú trong dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đang thu hút sự quan tâm lớn của người dân. Đây được xem là một bước chuyển mạnh từ tư duy quản lý theo địa giới hành chính sang phục vụ người dân trên nền tảng số, với nhiều lợi ích thiết thực nếu được triển khai hiệu quả.

Luật Hộ tịch đang được Chính phủ đưa ra sửa đổi với nhiều đề xuất mới thu hút sự quan tâm của dư luận, đặc biệt là các quy định liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân.

Đáng chú ý, dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký tất cả các sự kiện, thông tin hộ tịch. Người dân có quyền yêu cầu đăng ký hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào, không phụ thuộc vào nơi cư trú, địa giới hành chính.

Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm chủ động khai thác, tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu liên quan phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu; chỉ yêu cầu người dân phải nộp, xuất trình giấy tờ nếu không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ và không chính xác. Bên cạnh đó, quy định người dân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ, nhận kết quả đăng ký hộ tịch theo phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đối với tất cả các thủ tục đăng ký hộ tịch nhằm bảo đảm quyền lựa chọn tối đa cho người dân.

Tạo thuận lợi cho người dân; tiết kiệm thời gian, chi phí

Với nhiều người lao động xa quê, đề xuất này được xem là gỡ "rào cản" về địa giới hành chính tồn tại lâu nay. Thực tế, không ít trường hợp phải di chuyển hàng trăm km chỉ để làm các giấy tờ liên quan hộ tịch.

Chị Phạm Thu Nga quê tại Nghệ An, hiện làm công nhân tại một khu công nghiệp tại Hà Nội nhận định, đây là điểm thay đổi mang tính đột phá giúp giảm chi phí đi lại, thời gian thực hiện thủ tục hành chính, bởi thực tế hiện nay có một bộ phận lớn người dân học tập, làm việc xa quê. Trước đây, chỉ để xin xác nhận tình trạng hôn nhân hay điều chỉnh thông tin liên quan hộ tịch, chị phải xin nghỉ làm vài ngày về quê ảnh hưởng tới công việc, cuộc sống cũng như mất thời gian, chi phí đi lại. Đặc biệt, tới đây chị sắp sinh em bé, thì việc đăng ký khai sinh sẽ được thực hiện kịp thời, thuận tiện hơn.

Chị Phạm Thu Nga bày tỏ mong muốn trong thời gian tới các cơ quan chức năng sẽ đẩy mạnh tuyên truyền, để người dân hiểu và chủ động tiếp cận quy định mới cũng như các quy trình, thủ tục hành chính sẽ được đơn giản hóa hơn bảo đảm cho người dân dễ thực hiện

Đồng quan điểm, anh Hải Nam (phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội) chia sẻ, đây là bước đi phù hợp với xu hướng cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ số. Người dân cũng có thể dễ dàng, linh hoạt trong tiếp cận dịch vụ công, lựa chọn nơi thuận tiện nhất để thực hiện thủ tục.

Tuy nhiên, để quy định đi vào thực tiễn phát huy hiệu quả, theo anh Hải Nam, cần bảo đảm điều kiện thực hiện, nhất là hạ tầng công nghệ, song song hoàn thiện hệ thống dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung trên toàn quốc, bảo đảm mọi thông tin được cập nhật tức thời, hạn chế sai sót, nhất là ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn.

Giảm áp lực cho bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý

Ở góc độ luật sư, Luật sư Lê Thu Hà (Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội) đánh giá cao tinh thần cải cách của đề xuất, thể hiện bước chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy phục vụ người dân. Đây cũng là một trong những điểm mới quan trọng, góp phần xóa bỏ "rào cản địa giới" trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo luật sư, quy định này không chỉ tạo thuận lợi cho người dân, nhất là các nhóm yếu thế mà còn giúp giảm áp lực cho chính quyền cấp cơ sở theo địa bàn cư trú, góp phần tinh gọn quy trình, nâng cao hiệu quả vận hành của bộ máy hành chính. Việc đăng ký kịp thời các sự kiện hộ tịch cũng góp phần bảo đảm quyền nhân thân, hạn chế các hệ lụy pháp lý liên quan.

Tuy nhiên, luật sư Thu Hà cũng lưu ý, nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, quy định "mở" có thể gây ra xung đột và rủi ro trong quản lý. Một số vấn đề được chỉ ra gồm: Nguy cơ chồng chéo dữ liệu nếu việc cập nhật không đồng bộ giữa các địa phương; khó xác định trách nhiệm của cơ quan đăng ký khi xảy ra sai sót hay các rủi ro bảo mật thông tin cá nhân khi dữ liệu được chia sẻ liên thông rộng rãi.

Do đó, nữ luật sư nhấn mạnh, quy định "phi địa giới hành chính" chỉ thực sự khả thi nếu gắn với chuyển đổi số đi kèm hoàn thiện hạ tầng công nghệ và dữ liệu; đồng bộ pháp luật liên quan như Luật Cư trú, Luật Căn cước để tránh xung đột; đồng thời quy định rõ trách nhiệm cập nhật, chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương; nâng cao năng lực cán bộ hộ tịch và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ. Đây là những yếu tố then chốt để bảo đảm thông tin hộ tịch luôn chính xác, thống nhất trên toàn hệ thống - điều kiện tiên quyết của mô hình "phi địa giới hành chính".

Có thể thấy, đề xuất "mở" đăng ký hộ tịch không phụ thuộc nơi cư trú nhận được sự đồng thuận cao của người dân. Nếu được thông qua và triển khai đồng bộ, thống nhất, quy định này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, mà còn góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, gần dân hơn trong kỷ nguyên số.

Nguồn: nhandan.vn

KẾT LUẬN SỐ 12-KL/TW: CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI PHẢI DỰA TRÊN DỮ LIỆU TIÊU CHÍ, KẾT QUẢ, SẢN PHẨM CÔNG VIỆC ĐƯỢC KIỂM CHỨNG

Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã ký ban hành Kết luận số 12-KL/TW ngày 19/3/2026 về kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị ở Trung ương năm 2025.

Nội dung Kết luận số 12-KL/TW như sau:

Xem xét Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị ở Trung ương năm 2025 (Báo cáo số 03-BC/BTCTW, ngày 13/2/2026 của Ban Tổ chức Trung ương), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương đã chủ động, kịp thời xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với tập thể, cá nhân ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý ban đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương.

Công tác chuẩn bị hội nghị kiểm điểm được triển khai nền nếp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương; thời gian tổ chức hội nghị kiểm điểm cơ bản bảo đảm theo quy định; không khí kiểm điểm thẳng thắn, dân chủ, mang tính xây dựng, dành nhiều thời gian đóng góp cho kiểm điểm tập thể và các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Qua kiểm điểm cho thấy, năm 2025, các ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo cơ quan, đơn vị ở Trung ương thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, quy chế làm việc; chú trọng xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, nội bộ duy trì tốt nền nếp tự phê bình và phê bình; bám sát sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chủ động, sáng tạo, quyết liệt triển khai toàn diện các nhiệm vụ, đạt nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân được triển khai nghiêm túc, bám sát quy định của Trung ương, bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, có minh chứng cụ thể gắn với kết quả, sản phẩm công việc, phản ánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Tỉ lệ đánh giá, xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" của cá nhân ủy viên ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các ban đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương năm 2025 cơ bản bảo đảm theo quy định; việc đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu được thực hiện nghiêm túc, gắn chặt với kết quả xếp loại của tập thể, cơ quan, đơn vị do mình phụ trách.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu, triển khai, quán triệt, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn, văn bản chỉ đạo của Trung ương của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa kịp thời. Việc bố trí thời lượng tổ chức kiểm điểm có nơi chưa bảo đảm yêu cầu. Ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, có cá nhân là thành viên trong tập thể lãnh đạo, quản lý, có cả cán bộ chủ chốt thực hiện không đúng nguyên tắc, quy định của Đảng về tự phê bình và phê bình; đã vắng mặt, không trực tiếp kiểm điểm nhưng vẫn đánh giá, xếp loại.

Việc đóng góp, tham gia ý kiến ở một số nơi chất lượng chưa cao, chưa bảo đảm yêu cầu, có nơi còn biểu hiện qua loa, hình thức, nể nang, né tránh; các ý kiến góp ý cho cá nhân chủ yếu là thống nhất theo bản tự kiểm điểm và ý kiến đánh giá, nhận xét chung của người đứng đầu hoặc tham gia chừng mực, nể nang, chưa thẳng thắn, mang tính động viên nhiều hơn là kiểm điểm. Một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá theo từng chức danh và nhóm chức danh gắn với sản phẩm công việc; việc chấm điểm còn lúng túng, cảm tính, chưa bám sát tiêu chí theo quy định.

Một số nơi việc đánh giá, xếp loại chưa phản ánh đúng mức độ hoàn thành nhiệm vụ; một số tập thể, cá nhân đề xuất xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" nhưng chưa hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra hoặc được cấp có thẩm quyền giao; một số địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất tỷ lệ cá nhân "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" vượt quá quy định.

2. Để tiếp tục triển khai nghiêm túc, hiệu quả, thực chất, thống nhất Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo một số nội dung sau:

2.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, ban đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương, trước hết là người đứng đầu, cần nêu cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, chủ trì việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình phải thực chất, dân chủ, bảo đảm tính chiến đấu; làm rõ những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, gắn với trách nhiệm cá nhân; thông qua kiểm điểm để chủ động phát hiện từ sớm, từ xa và đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng các tập thể, cá nhân phải chuyển từ đánh giá cảm tính sang đánh giá thực chất, dựa trên dữ liệu tiêu chí, kết quả, sản phẩm công việc được kiểm chứng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm thực sự là "thước đo" để bố trí, sử dụng cán bộ theo phân cấp.

2.2. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện chưa tốt việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2025 phải nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khắc phục triệt để tình trạng nể nang, né tránh, hình thức. Đối với các đồng chí chưa kiểm điểm mà vẫn đánh giá, xếp loại thì phải tiến hành kiểm điểm bổ sung. Thực hiện việc rà soát, đánh giá, xếp loại lại đối với các tập thể, cá nhân "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" nhưng không bảo đảm tiêu chí hoặc vượt quá tỷ lệ quy định; đồng thời, thực hiện nghiêm quy định về mức xếp loại của người đứng đầu không được cao hơn mức xếp loại của tập thể lãnh đạo, quản lý, tổ chức, cơ

quan, đơn vị. Bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ kiểm điểm tập thể, cá nhân theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Hoàn thành trước ngày 1/4/2026.

2.3. Ngay sau kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng phải xây dựng kế hoạch, xác định rõ các giải pháp khắc phục triệt để hạn chế, yếu kém, khuyết điểm của tập thể, cá nhân. Phân công theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế. Hoàn thành trước ngày 15/4/2026.

2.4. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương thường xuyên theo dõi, nắm tình hình, hướng dẫn, đôn đốc và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Ủy ban Kiểm tra Trung ương bổ sung nội dung trên vào chương trình các đoàn kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị năm 2026.

2.5. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo cụ thể hóa nội dung kiểm điểm, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong phạm vi tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc điểm ngành, lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp và trên cơ sở kế hoạch, chương trình công tác, nhiệm vụ được giao và làm căn cứ để đánh giá, xếp loại theo quý, cả năm và nhiệm kỳ.

2.6. Giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu hướng dẫn việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Kết luận số 198-KL/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị (tiêu chí, sử dụng kết quả xếp loại hằng quý để xếp loại năm, số quý hoàn thành xuất sắc để được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm; quy định về tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng quý…); hằng năm ban hành văn bản hướng dẫn việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổng hợp, thẩm định, báo cáo Bộ Chính trị kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; ban hành Báo cáo về kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHUYỂN VTV, VOV, THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM VÀ HAI VIỆN HÀN LÂM TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV họp từ ngày 23/3 đến ngày 25/3/2026 tại Thủ đô Hà Nội.

Chiều ngày 25/3/2026, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bế mạc. Ban Chấp hành Trung ương đã ra thông báo hội nghị. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đồng ý chủ trương chuyển Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN), Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện hàn lâm

Khoa học và Công nghệ Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ sang là đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai thực hiện theo quy định, hoàn thành trước ngày 01/4/2026.

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao để các cơ quan báo chí quốc gia, trong đó có Đài Truyền hình Việt Nam hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Việc chuyển 3 cơ quan báo chí quốc gia sang đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ tăng cường sự lãnh đạo tập trung, trực tiếp, toàn diện và thống nhất của Đảng đối với các cơ quan truyền thông chủ lực; khẳng định sự đổi mới về tư duy, phương pháp và cách thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, chính trị và truyền thông trong kỷ nguyên mới.

Đài Truyền hình Việt Nam là đài truyền hình quốc gia, cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đài Tiếng nói Việt Nam là đài phát thanh quốc gia, cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền, đồng thời phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân qua các loại hình báo chí.

Thông tấn xã Việt Nam là cơ quan thông tấn quốc gia, thực hiện chức năng đăng, phát thông tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước; cung cấp thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và nhu cầu của công chúng trong và ngoài nước.

Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có chức năng nghiên cứu các vấn đề cơ bản về khoa học xã hội, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách và đào tạo nguồn nhân lực.

Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên, phát triển công nghệ, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ quản lý và xây dựng chính sách phát triển.

Nguồn: vtv.vn

SỬA QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Sửa đổi quy định về thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Cụ thể, Nghị định số 78/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 41 của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP quy định về thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm:

Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thành lập có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 80.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 100.000.000 đồng; đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

Đội trưởng của Công an nhân dân có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 30.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Trưởng Công an cấp xã có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế; Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 80.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an tỉnh, Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 100.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Trưởng đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 80.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 100.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Bổ sung quy định xử lý vi phạm hành chính trong kinh doanh bảo hiểm trên môi trường điện tử

Bên cạnh đó, Nghị định 78/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 44a (Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử) sau Điều 44 như sau:

Trường hợp xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương IIIa Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

Nghị định 174/2024/NĐ-CP chưa có quy định nào về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Các quy định chủ yếu tập trung vào hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, thẩm quyền xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo phương thức xử lý trực tiếp.

Nguồn:baochinhphu.vn

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.

Cắt giảm thời gian kiểm tra hồ sơ đăng ký sử dụng chất được kiểm soát

Sau một thời gian triển khai thực hiện Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, việc áp dụng hai thủ tục hành chính về đăng ký, phân bổ và điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch các chất được kiểm soát cho thấy vẫn còn một số nội dung cần điều chỉnh để bảo đảm thuận lợi hơn cho cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Do đó, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 theo hướng tập trung cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục, bao gồm rút ngắn thời gian kiểm tra, xử lý hồ sơ và thông báo kết quả; giảm thành phần hồ sơ phải nộp,

đặc biệt đối với các loại giấy tờ có thể tra cứu trực tuyến trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cụ thể, Nghị định 83/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 về đăng ký và báo cáo sử dụng các chất được kiểm soát. Trong đó, sửa đổi, bổ sung khoản 3 về hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 01 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính. (Bỏ yêu cầu về việc tổ chức phải nộp "bản sao Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đăng ký theo quy định pháp luật" do văn bản này có thể tra cứu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không cần thiết phải yêu cầu tổ chức nộp bản sao có xác nhận và dấu sao y bản chính về văn bản đó).

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đăng ký theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư hoặc pháp luật có liên quan: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, trừ trường hợp thông tin có thể khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Trường hợp thông tin của tổ chức đăng ký không khai thác được hoặc khai thác được nhưng không đầy đủ, không chính xác từ các cơ sở dữ liệu nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu tổ chức bổ sung bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính của văn bản quy định tại điểm này.

Trong thời hạn 2 ngày làm việc (quy định cũ là 3 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký là không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc (quy định cũ là 10 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, đánh giá hồ sơ đăng ký và công bố thông tin về tổ chức đã hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Cắt giảm thời gian xem xét quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu

Bên cạnh đó, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26 về trình tự, thủ tục phân bổ, điều chỉnh, bổ sung, hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hướng cắt giảm thời gian xem xét quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu trong thời hạn 30 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc.

Cụ thể, sửa đổi khoản 2 Điều 26: Căn cứ quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định này, trong thời hạn 22 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu cho tổ chức theo quy định tại Mẫu số 03A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này thông qua các hoạt động sau:

a) Rà soát, đánh giá thông tin đăng ký và báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát của tổ chức;

b) Đối chiếu tổng lượng tiêu thụ quốc gia và mục tiêu, yêu cầu quản lý về các chất được kiểm soát;

c) Tổ chức kiểm tra thực tế nhằm xác minh thông tin đăng ký, đánh giá hồ sơ năng lực, kỹ thuật và công nghệ sản xuất trong trường hợp cần thiết;

d) Lấy ý kiến Bộ Công Thương bằng văn bản về dự kiến phân bổ hạn ngạch. Thời gian tham gia ý kiến của Bộ Công Thương là không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến. Quá thời hạn nêu trên mà cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xác định là thống nhất với nội dung hồ sơ.

Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 04 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi theo dịch vụ bưu chính để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung trước ngày 10 tháng 7 hằng năm. Việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch được thực hiện theo trình tự phân bổ hạn ngạch. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu trong thời hạn 22 ngày làm việc (quy định cũ là 30 ngày) theo quy định tại Mẫu số 03B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 2 ngày làm việc (quy định cũ là 3 ngày), cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu thông báo việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát tới tổ chức đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo Mẫu số 05A và Mẫu số 05B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN DỤNG VÀ THÔI VIỆC ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Trong đó, đáng chú ý là các đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chính sách liên quan đến tuyển dụng và thôi việc đối với công chức.

Cụ thể, tại dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ đề xuất sửa đổi Điều 13 quy định đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ tiếp nhận vào làm công chức. Theo đó, các đối tượng được tiếp nhận gồm:

a) Chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư giỏi, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài khu vực công lập theo chính sách thu hút đối với người có tài năng;

b) Viên chức;

c) Người hưởng lương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, tổ chức cơ yếu mà không phải là công chức;

d) Người đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

đ) Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác;

e) Người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao làm việc trong các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ;

g) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trước ngày 01/7/2025;

h) Đội viên Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 đang ký hợp đồng lao động làm việc tại xã.

Điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận công chức

Căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo từng vị trí việc làm trong cơ quan sử dụng công chức, chỉ tiêu biên chế được giao và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cấp có thẩm quyền quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

Đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển công chức quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức.

Không thuộc một trong các trường quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật, đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng, của pháp luật.

Trường hợp quy định tại điểm a nêu trên phải có kết quả, sản phẩm phù hợp với vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận.

Trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, e, g và h nêu trên phải có đủ 05 năm công tác trở lên đang làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận. (*)

Thời gian công tác là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc quy định hoặc ở vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008), không kể thời gian tập sự (nếu có).

Trường hợp quy định tại điểm đ nêu trên phải có quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ và không phải đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác 05 năm quy định tại (*) nêu trên.

Bổ sung các trường hợp cho thôi việc

Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã đề xuất bổ sung thêm Điều 56a vào sau Điều 56 Nghị định 170/2025/NĐ-CP quy định về các trường hợp cho thôi việc. Theo quy đinh hiện hành, mới chỉ có nội dung về các trường hợp tạm đình chỉ công tác đối với công chức.

Các trường hợp cho thôi việc bao gồm:

1. Theo nguyện vọng cá nhân.

2. Bị xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá do không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

3. Bị đánh giá không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của vị trí việc làm theo kết quả theo dõi, đánh giá thường xuyên và không có vị trí việc làm thấp hơn để tiếp tục bố trí.

4. Do sắp xếp, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không còn vị trí việc làm phù hợp hoặc do cơ quan, tổ chức, đơn vị bị giải thể theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Công chức bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục mà khả năng lao động chưa hồi phục.

Các trường hợp chưa giải quyết cho thôi việc theo nguyện vọng cá nhân gồm:

a1) Công chức đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

b1) Công chức chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết;

c1) Do yêu cầu công tác của cơ quan, tổ chức hoặc chưa bố trí được người thay thế.

d1) Các lý do khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định của cấp có thẩm quyền cho thôi việc.

Chế độ, chính sách đối với công chức tự nguyện xin thôi việc hoặc bị cho thôi việc

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng sửa đổi Điều 58 Nghị định 170/2025/NĐ-CP về chế độ, chính sách đối với công chức tự nguyện xin thôi việc hoặc bị cho thôi việc. Cụ thể:

1. Công chức đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thuộc một trong các các trường hợp thôi việc theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 57 Nghị định này được hưởng trợ cấp thôi việc như sau:

a2) Mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương hiện hưởng;

b2) Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Công chức còn trên 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu, thuộc trường hợp thôi việc theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định này thì mỗi năm còn lại được trợ cấp 03 tháng lương hiện hưởng và được hưởng chế độ theo quy định tại điểm b2 nêu trên.

Công chức còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, thuộc trường hợp thôi việc theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định này thì được hưởng 6 tháng lương cho thời gian đủ 24 tháng; mỗi tháng tiếp theo sẽ bị trừ 5% trên tổng số lương của 6 tháng.

3. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi thôi việc. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc; phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

4. Mức trợ cấp bằng 01 (một) tháng tiền lương hiện hưởng được thực hiện đối với trường hợp có tổng thời gian công tác trước khi thôi việc từ 06 tháng đến dưới 12 tháng.

5. Công chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc trường hợp tinh giản biên chế hoặc buộc thôi việc theo quy định của pháp luật thì không thuộc trường hợp được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc quy định tại khoản 1 Điều này.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG TRONG GIÁO DỤC

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục.

Thông tư quy định về thực hiện hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục, bao gồm: nội dung, hình thức, biện pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện giáo dục hướng nghiệp (hướng nghiệp) và định hướng phân luồng học sinh (phân luồng) trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Nội dung hướng nghiệp trong giáo dục

Theo Thông tư, cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì tổ chức thực hiện nội dung hướng nghiệp cho học sinh; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nội dung hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Cung cấp thông tin nghề nghiệp, gồm: thông tin về ngành, nghề; yêu cầu về năng lực và phẩm chất; điều kiện đào tạo; cơ hội việc làm; xu hướng thị trường lao động; nội dung nhằm nâng cao nhận thức về giá trị lao động, ý thức nghề nghiệp và thái độ học tập.

b) Hỗ trợ học sinh tự nhận thức bản thân, gồm: đánh giá năng lực, sở thích, giá trị nghề nghiệp và đặc điểm cá nhân; tư vấn lựa chọn nghề phù hợp; hướng dẫn lập kế hoạch học tập và phát triển nghề nghiệp thông qua các hình thức tư vấn, trắc nghiệm, trao đổi và trải nghiệm hướng nghiệp.

c) Phát triển kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp, gồm: kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin nghề nghiệp; kỹ năng ra quyết định nghề nghiệp; kỹ năng mềm liên quan đến nghề nghiệp như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, sáng tạo, thích ứng và các kỹ năng cần thiết khác phục vụ định hướng nghề nghiệp; tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

d) Nội dung trải nghiệm nghề nghiệp nhằm giúp học sinh làm quen với môi trường lao động, hoạt động nghề nghiệp, quy trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nghiên cứu; nâng cao hiểu biết thực tiễn về nghề nghiệp, mối liên hệ giữa học tập với yêu cầu của thị trường lao động và điều kiện kinh tế - xã hội.

đ) Nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hướng nghiệp, gồm: nâng cao khả năng tiếp cận thông tin nghề nghiệp thông qua nền tảng số, cơ sở dữ liệu nghề

nghiệp, công cụ tư vấn trực tuyến và trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ học sinh cập nhật xu hướng nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Khung nội dung hướng nghiệp của cơ sở giáo dục được xây dựng trên cơ sở các nhóm nội dung nêu trên phải phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

Nội dung hướng nghiệp được rà soát, cập nhật định kỳ theo chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục, bảo đảm phù hợp với đặc điểm học sinh, điều kiện của cơ sở giáo dục và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hình thức và biện pháp thực hiện hướng nghiệp

Thông tư quy định, thực hiện hướng nghiệp thông qua việc tích hợp, lồng ghép nội dung hướng nghiệp trong các môn học và các hoạt động giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với từng cấp học.

Cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì tổ chức tư vấn hướng nghiệp bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến; phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và tổ chức liên quan để cung cấp thông tin, tổ chức trải nghiệm, làm cơ sở cho việc lựa chọn hướng đi sau tốt nghiệp phù hợp.

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động hướng nghiệp; khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, sử dụng các nền tảng trực tuyến để tư vấn, đánh giá năng lực, sở thích, theo dõi lộ trình học tập của học sinh và bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hướng nghiệp cho học sinh, cha mẹ học sinh, người giám hộ của học sinh (cha mẹ học sinh) và cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Phân luồng trong giáo dục

Cơ sở giáo dục phổ thông chủ trì, phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho học sinh và cha mẹ học sinh về lựa chọn học tập sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề và tương đương, bao gồm việc tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của cá nhân và nhu cầu của xã hội.

Tổ chức tư vấn phân luồng trực tiếp và trực tuyến cho học sinh; hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu tuyển sinh, thời gian đào tạo, chi phí đào tạo, cơ hội việc làm và khả năng phát triển nghề nghiệp của từng lộ trình đào tạo sau phổ thông.

Lồng ghép nội dung phân luồng trong hoạt động hướng nghiệp nhằm giúp học sinh nhận thức được vai trò, lợi ích và cơ hội của từng hướng đi sau tốt nghiệp; hỗ trợ học sinh đánh giá năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân để lựa chọn lộ trình học tập phù hợp.

Định hướng học sinh tham gia giáo dục nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu lao động của địa phương và của nền kinh tế; hỗ trợ học sinh có nhu cầu chuyển sang học nghề tiếp cận thông tin tuyển sinh, chương trình đào tạo và cơ hội việc làm.

Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức có liên quan trong cung cấp thông tin, tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp, tư vấn tuyển sinh và hỗ trợ lộ trình học tập sau tốt nghiệp.

Thực hiện truyền thông về phân luồng và nghề nghiệp cho học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, giảm định kiến về nghề nghiệp, góp phần tăng tỷ lệ học sinh lựa chọn hướng đi phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị**

- Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã bầu bổ sung ông Nghiêm Xuân Thành, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Đồng chí Nguyễn Việt Hùng thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2025 - 2030, thôi giữ chức Thứ trưởng Xây dựng; được chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời được giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*** Bộ Công an**

Điều động, bổ nhiệm Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát kinh tế đến nhận công tác và giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

*** Tỉnh Tuyên Quang**

- Bà Lê Thị Thuận, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Vị Xuyên thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Vị Xuyên, nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động đến nhận công tác tại Đảng ủy xã Linh Hồ, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Linh Hồ, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Tiến Hùng, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vị Xuyên được chỉ định giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Vị Xuyên, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Lê Kiên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Việt Lâm thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Việt Lâm, thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Việt Lâm; được điều động đến công tác tại Ủy ban nhân dân xã Vị Xuyên, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Vị Xuyên, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn